

QUÁN DI-LẶC BỒ TÁT THƯỢNG SINH ĐÂU-SUẤT THIÊN KINH TÁN

QUYỂN HẠ

Chánh văn: Lúc bấy giờ, Ưu-ba-ly cũng từ tòa ngòai đứng dậy, đánh lễ và bạch Phật rằng:

Tán:

I. PHÁP THỈNH QUẢNG THUYẾT PHẦN:

Việc thọ ký cho Bồ-tát Nhất sinh bổ xứ đâu thể xem nhẹ; thị hiện tướng nơi ngoai viện Đâu-suất để khuyến vãng sinh, nhân có nghiêm thì quả mới trọng. Nếu không có hỏi mà thuyết, thì tướng của bổ xứ chẳng tôn quý, nếu không thỉnh mà tự luận đàm, thì tâm ham thích vị lai sinh chẳng nặng. Cho nên phóng quang tập chúng triệu đến những người có duyên. Như thỉnh thuyết kinh khiến cho sự nghiệp thêm quan trọng:

Gồm hai phần:

1. Luận về ngoai quả.
2. Luận về nội quả.

1. Ngoai quả: Gồm ba: Ưu-ba-ly thưa thỉnh, Thế Tôn giải thích, khuyến vãng sinh về cõi kia (Từ câu Đức Thế Tôn bảo Ưu-ba-ly...)

- Ưu-ba-ly thưa thỉnh: gồm hai: Phép tắc thưa thỉnh, lời thỉnh.

Phép tắc thưa thỉnh: Phạm âm Ưu-bà-ly, Hán dịch là cận chấp, khi Phật còn là Thái tử, thì Ưu-ba-ly là cận thần, thân cận thái tử, là quan chấp sự. Người xưa cho rằng ngài là gia nhân của Phật, điều này chẳng đúng. Nay nói Ưu-ba-ly là sai. Cũng từ tòa ngòai đứng dậy, tức nhân thấy ngài Di-lặc đứng lên, Ưu-ba-ly liền thưa thỉnh, rất xứng hợp vậy; cũng biểu thị cho việc nghe ngài Di-lặc sẽ chứng Bồ-đề. Từ tòa ngòai đứng dậy đánh lễ Đức Phật; rạp đầu tôn kính của mình mà đánh lễ dưới chân thấp kém của Phật, để bày tỏ nhất tâm đánh lễ, thành kính vô cùng, tâm kiêu mạn đã dứt trừ, hiển thị nhân hạnh tôn quý thành Phật và Diệu nghiệp của Vô kiến đánh tướng.

Chánh văn: Khi xưa Thế Tôn đã nói trong Tỳ-ni và các bộ kinh

tạng rằng Di-lặc (A-dật-đa) sẽ kế tục thành Phật ở vị lai.

Tán:

Lời thưa thỉnh: gồm hai phần là: Theo xưa hỏi nay, nêu việc hôm nay, hỏi việc ngày sau.

Theo xưa hỏi nay: Trước nói Thế Tôn là lời Ưu-ba-ly bạch Phật ở đây nói Thế Tôn là luận về xưa kia Phật nói về Bồ-tát Di-lặc. Thế Xuất Thế Tôn gọi tắt là Thế Tôn, là hiệu thứ mười tức Bạc-già-phạm. Tỳ-nại-da, Hán dịch là Điều phục tức là điều hòa chế ngự các nghiệp thân, khẩu, ý hoặc chiết phục diệt trừ các phiền não, tức Quảng luật. Xưa gọi là Tỳ-ni hoặc Tỳ-nê là sai lầm. Cận Chấp rất thông về luật tạng, nhưng cũng am tường các kinh, việc thọ ký phần nhiều ghi trong luật, nhân đó mà có lời thưa hỏi.

A-dật-đa, Hán dịch là Vô năng Thắng Di-lặc là tên, A-dật-đa là Tự. Xưa Đức Phật ở tại Kỳ sơn nói rằng: “Kế tục sau ta, ở vị lai có vị thành Phật tên là Di-lặc, bấy giờ trong chúng hội có Bồ-tát tên là Từ Thị, từ tòa ngồi đứng dậy bạch Phật rằng: “Bạch Thế Tôn! Con nguyện ở đời vị lai thành Đức Phật Di-lặc kia.” Phật nói: Tốt lắm! Vì thế nay theo việc xưa mà dẫn phát lời hỏi sau.

Chánh văn: *A-dật-đa này còn là thân phàm phu chưa đoạn trừ các lậu, người này sau khi mệnh chung, sẽ sinh về cõi nào?*

Tán:

Theo nay mà hỏi việc ngày sau: gồm là dẫn chứng việc hôm nay để hỏi vị lai, vãng sinh về uế độ hay Tịnh độ.

Nói vãng sinh: Ưu-ba-ly là hàng căn khí kém, kiến giải hạn cuộc ở giáo Tiểu thừa, dùng sự hiểu biết của mình để suy lường bậc Thánh Tiểu thừa cho rằng Bồ-tát tu hành ba a-tăng-kỳ kiếp vẫn còn là phàm phu, chỉ có chỗ ngồi dưới cội Bồ-đề đoạn trừ ba mươi bốn tâm mới thành chánh giác. Vì cho rằng Dục, nhuế, hại, khi giác cũng chưa tận trừ nên nói phàm phu chưa đoạn các lậu. Lậu có ba loại như Pháp Hoa Tán đã nói. Sinh về cõi nào? Nghĩa là trong ba cõi sinh về cõi nào, trong năm đường sinh về đường nào, trong bốn loài sinh vào loài nào, trong chín hữu sinh về hữu nào? Theo nhân mà nghiệm biết quả, chưa trừ được tâm nghi, chỉ cầu mong đấng Pháp vương chỉ bày cho cõi vãng sinh.

Chánh văn: *Người này, nay tuy đã xuất gia, nhưng chẳng tu thiền định, chưa đoạn phiền não, mà Phật thọ ký vị lai chắc chắn sẽ thành Phật, vậy người này sau khi mệnh chung sinh về quốc độ nào?*

Uế độ hay Tịnh độ: Từ khi đắp ca-sa, rụng râu tóc. Trở thành tướng mạo của người xuất gia, thường hiện oai nghi chẳng tu thiền định,

nhận ca-sa kim sắc của Di mẫu, đục tham chưa trừ, thấy hào quang mà chẳng biết, còn có chỗ chẳng hay, Phật lại thọ ký cho viên mãn, lý sâu xa khó lường, vậy mệnh chung sinh về Tịnh độ hay uest độ, nhưng vì Bồ-tát chẳng khởi diệt tận định mà hiện oai nghi, sắp kế vị Pháp vương bèn nhận ca-sa của Phật chuyển nhượng; suy biết tướng ánh sáng mà thị hiện hỏi về hào quang. Ưu-ba-li chẳng biết những điều này liền cho rằng không tu định, tình tướng còn thô, thấy tướng nên nghi ngờ thường có hoặc. Thiên định có chín, phiền não có mười, như những chỗ khác đã nói. Nhưng trước khi thành Phật, ắt phải trụ cõi trời Đâu-suất làm vị Bồ-tát Nhất sinh bồ xứ, đại tiểu đồng nhau. Ưu-ba-ly dùng tâm nhỏ hẹp mà suy lường Thánh vị, rõ ràng chẳng biết nên có lời thưa hỏi.

Chánh văn: Đức Phật bảo Ưu-ba-ly rằng: *Hãy lắng nghe! Hãy lắng nghe và suy xét kỹ! Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, trong chúng hội hôm nay sẽ nói về việc nghiệm biết Di-lặc Bồ-tát Ma-ha-tát A-nậu-đa-la Tam-niêu Tam-bồ-đề.*

Tán:

- Đức Phật giải đáp: Gồm có hai là bảo lắng nghe để Thế Tôn tuyên thuyết và theo lời hỏi mà giải thích.

Lắng nghe để tuyên thuyết:

Để tức lắng lặng, nghe âm thanh để xét rõ nghĩa lý, quan trọng là ở điểm suy xét kỹ. Như Lai sợ không nghe rõ nên lặp lại: “Để thính, ý niệm suy xét đến chỗ vi diệu cùng tốt gọi là: “Thiện tư niệm.” Như Lai là hiệu thứ nhất, kinh Niết-bàn ghi: “Như ở quá khứ, Phật tu tập các diệu hạnh ba mươi bảy phẩm, mười một không... mà đến Niết-bàn, cho nên gọi Như Lai. Ứng Cúng tức là hiệu thứ hai, ứng vì đã vĩnh viễn trừ diệt giặc phiền não; ứng vì đã không còn phải chịu phần đoạn sinh tử, đáng được thế gian cúng dường; Chánh Biến Tri là hiệu thứ ba, vì Chánh Tri Biến Tri cho nên gọi là Chánh Biến Tri, chẳng phải tà tiểu tri, mà là Chánh tri mãn tri đầy đủ hai trí tri là không và hữu. Trên đã nói về ba hiệu của Như Lai, thứ tự phối hợp với ba đức là đoạn đức, ân đức và trí đức. A-nậu A là vô, nậu-đa-la là thượng, Tam là Chánh, miệu là Đẳng, Tam là Chánh, Bồ-đề là giác. Các pháp không pháp nào hơn pháp này nên gọi là Vô thượng. Lý sự đều thấu suốt nên gọi là Chánh đẳng, lìa vọng chân mà chiếu soi, cho nên gọi là chánh giác. Hoặc cho rằng viên mãn trí đoạn là Vô thượng giác, phân biệt tà trí của chúng sinh nên gọi là Chánh giác phân biệt với trí phần đoạn của Tiểu thừa nên gọi là đẳng giác, phân biệt với khuyết trí của Bồ-tát nên gọi là Chánh giác. Một chữ giác quán thông cả văn trên. Di-lặc sắp viên chứng nên ở đây nêu lên

toàn danh. Ký tức biết, nghiệm Phật tự xưng ba đức, nay vì các ông mà nghiệm biết phân biệt việc Bồ-tát Từ Thị vị lai sẽ thành Phật.

Chánh văn: *Người này sau mười hai năm sẽ mệnh chung và được sinh về cõi trời Đâu-suất.*

Tán:

Theo lời hỏi mà giải đáp: gồm hai: nơi sinh Tịnh độ và uế độ.

Nơi sinh: Nói mười hai năm sau, biểu thị cho việc thọ ký, đã cầu vượt mười hai duyên sinh tử, cho nên được lên cõi trời Đâu-suất làm Bồ-tát Bồ xứ.

Chánh văn: *Bấy giờ, ở cõi trời Đâu-suất có năm trăm ức Thiên tử, mỗi một vị Thiên tử đều tu tập Đàn ba-la-mật sâu dày, dùng phước trời tạo dựng cung điện cúng dường Bồ-tát Nhất sinh bồ xứ.*

Tán:

+ Tịnh độ hay uế độ: Có hai: Đáp tịnh, uế, kết sở nhân tán thán cõi thù thắng (Từ Phật bảo Ưu-ba-ly rằng: “Cõi trời Đâu-suất này là quả báo của tu thập thiện...)

- Tịnh uế: có ba.

1. Năm trăm ức Thiên tử tạo cung điện báu bên ngoài.
2. Một vị thần lớn tạo nội viện pháp đường.
3. Năm vị thần lớn trang nghiêm hai cung điện này.

Phàm quả báo từ phước lực của chư thiên, thì tự nhiên hiện ra, hưởng gì cung điện của bồ xứ sao lại do người khác làm? Đó là vì muốn hiển thị phước báo khác với chư Thiên, quả do kẻ khác tạo ra, là biểu thị chư Thiên cung kính, phát nguyện trang nghiêm nhân hạnh. Vả lại tư cụ của chư Thiên do sức nghiệp sinh ra, còn cung điện của tri túc do thắng hạnh mà hiển hiện, bên ngoài thì luận là người khác tạo, bên trong thì hiển thị đức tu nhân, giống như thượng uyển của Nhân vương, như Hỷ viên của Đế Thích. Chẳng nói phước báo tự nhiên, chỉ nêu quả người khác tạo, đó đều là sự việc được tạo ra lúc Bồ-tát chưa sinh về, mà dự tri muốn vãng sinh, cần phát nguyện tạo dựng trước.

Trong phần thứ nhất là:

- Năm trăm Thiên tử tạo ngoại cung điện: có ba đó là:

1. Chư Thiên trông nhân phát nguyện.
2. Quả phát nguyện của chư Thiên (Lúc bấy giờ, các Thiên tử phát nguyện rồi...)
3. Long vương giữ gìn (Long vương vây quanh tường thành này...)

- Chư Thiên trông nhân phát nguyện: có ba.

1. Trồng nhân
2. Phát nguyện (con nay...)
3. Hạnh nguyện đều giống nhau (như thế các Thiên tử...)

Trồng nhân: có hai:

1. Sở nhân.
2. Trồng nhân.

Đoạn này thuộc về phần luận sở nhân.

Sở nhân: Sở nhân của tu tập hạnh nguyện, thứ nhất là tu tập bố thí độ, là điều hạnh của sơ phát tâm, thứ hai là cúng dường các Bồ-tát, vì Bồ-tát hết một báo thân này nhất định sẽ thành Phật, phước điền rộng lớn, cho nên cần phải trồng nhân, nhân chính là bố thí độ, duyên tức là nguyện trợ giúp và những năng lực phụ, do phước lực của trời sinh ra. Vì thế nhờ sức của hai nhân duyên và phước trời trợ giúp mà biến thành cung điện, là quả cung điện của nhân duyên. Cầu mong trên mảnh ruộng tốt, nhờ phước và duyên của chư Thiên mà biến thành cung điện. Năm trăm ức, tức là năm căn tín, tinh tấn, niệm, định, tuệ làm thắng nhân duyên nên trong thì chứng pháp uyển lạc, ngoài thì cảm được năm trăm ức Thiên tử tạo cung điện, tu tập các vạn hạnh khác cũng nhờ năm căn này, cho nên dùng năm trăm ức làm số lượng, hoặc cho rằng Bồ-tát hóa ra để dự định trang nghiêm, căn cứ sự nghiêm sức trong báo độ, thì hơn cả những vật do thiện căn thế gian hiện khởi. Năm căn được nói ở đây tức là nhân.

Chánh văn: *Mỗi mỗi đều lấy mũ ma-ni màu chiên-đàn xuống, quỳ dài chấp tay, phát nguyện rằng*

Trồng nhân: Chiên-đàn tức là đàn hương, màu hồng; Ma-ni là hạt châu như ý, tức là vật mà chư Thiên trang sức có màu hồng của đàn hương, thân châu như ý là hạt châu gắn ở mũ trên đầu của chư Thiên. Thí, biểu thị cho quả mong cầu ở vị lai được thành tựu, chủng trí tròn sáng, tất cả đều như ý. Cởi bỏ ma-ni và mũ báu, biểu thị sự tôn kính, thọ ký làm Phật là việc tối thắng; chư Thiên đều làm như thế cho nên nói là mỗi mỗi, quỳ dài tức là hai đầu gối đều chầm đất, thân ngay thẳng, tướng cung kính toàn vẹn, biểu thị việc tu tập định tuệ không gián đoạn. Chấp tay, tức là chí thành cung kính, biểu thị tâm cảnh tượng ứng, trí chứng hợp với lý thể. Trên nói về tu hành là nhân của thân nghiệp, dưới luận phát nguyện, là nhân của ngữ nghiệp, phát khởi cả hai là nhân của ý nghiệp, cả ba đều đầy đủ.

Chánh văn: *Hôm nay con dâng bảo châu giá trị vô lượng và mũ trời cúng dường bậc Đại tâm chúng sinh.*

Tán:

Phát nguyện: Đây là nhân của nguyện Bồ-tát Từ Thị; dùng bi trí để cứu vớt chúng sinh, cho nên trụ ở bờ kia mà có tâm Từ bi rộng lớn, trụ ở nhân vị mà có hiệu là chúng sinh. Ma-ha-tát-đỏa, Hán dịch là Đại hữu tình, vì có nghĩa như thế nên gọi là đại tâm chúng sinh.

Chánh văn: *Người này không lâu sẽ thành A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, nếu con ở nơi Đức Phật kia vì trang nghiêm quốc độ, được thọ ký, thì hãy khiến cho như ý châu và mũ báu biến thành vật cúng.*

Tán:

Đây là lời phát nguyện. Người này tức là chỉ cho Từ Thị, đang ở nhân gian chưa sinh về cõi Trời. Vì dự phát nguyện này, cho nên nói rằng người này ở đời vị lai sẽ thành chánh giác, nếu tôi ở quốc độ kia, khi Phật thành chánh giác, có thể vì trang nghiêm cõi nước thù thắng mà được tham dự vào hội tòa mà thuyết pháp, được thọ ký, thì nay hãy khiến những bảo châu và mũ báu của tôi biến thành vật cúng. Vật cúng tức là bốn món cúng dường (thuốc men, y phục, thực phẩm và nơi ở) biến Bảo quan thành vật cúng, hiển bày ý nghĩa chuyển phàm thành Thánh. Ở đây chỉ nói bảo quan, là lược không nói bảo châu, vì lời nguyện vẫn như thế. Hoặc cho rằng bảo tức là châu Như ý, quan tức là mũ báu của trời, gọi chung là bảo quan. Nếu chẳng phải như thế, thì tại sao khi thực hiện nhân thì châu và mũ đều thỉ xả, còn lời phát nguyện chỉ nêu mũ báu? Cho nên theo lời giải thích sau thì hợp với chánh lý hơn.

Chánh văn: *Như thế, các Thiên tử, mỗi mỗi đều quỳ dài phát thệ nguyện rộng lớn cũng giống nhau.*

Tán:

Hạnh nguyện giống nhau: Tuy đã nói chung là chư Thiên, nhưng các nhà kết tập sợ rằng chúng sinh nghi hoặc mà cho rằng nguyện của chư Thiên chỉ có một người phát, do đó nay hiển bày hạnh thì bao gồm tất cả, nguyện thì đều giống nhau, ba nghiệp tu nhân, cũng đồng đẳng.

Chánh văn: *Khi các Thiên tử vừa phát nguyện xong, các châu như ý và mũ trời hóa thành năm trăm vạn ức cung điện báu.*

Tán:

Quả sở nguyện của chư Thiên: gồm có hai: là mười món trang nghiêm và lập lại những món trang nghiêm đã nói.

Mười loại trang nghiêm: đó là cung điện, hàng rào, châu báu, hào quang, hoa, cây cối, màu sắc, vàng, Thiên nữ và âm nhạc.

Đoạn này thuộc về loại thứ nhất là Cung điện: Đã có Bồ-tát Thập địa vây quanh, lại có phàm phu tu thập thiện vãng sinh, lại có cảnh giới

hiển hiện từ mười lực tăng thượng của Bồ-tát. Cung điện có mười lớp, cho nên phần sau kinh ghi: “Phước lực của Bồ-tát, quả báo của thập thiện.” Cung điện nghĩa là pháp uyển. Sơ địa đạt chân trí chứng không tịch, kim cang tâm và Sơ địa đều lập được cho nên bên trong tu năm căn, mà cảm được cung điện... , vì thế tất cả đều nói là năm trăm.

Chánh văn: *Mỗi một cung điện báu có bảy lớp tường rào, mỗi một lớp tường đều do bảy báu tạo thành.*

Tán:

Tường và châu báu: Bồ-tát nhị địa trì giới, sinh trưởng pháp lành, giữ gìn sáu căn, cho nên cảm được tường rào vây quanh. Bồ-tát tam địa chứng được văn, tư, tu, trí tuệ hiểu rõ giáo lý, hành quả của Đại thừa, phát ra ánh sáng trí tuệ, cho nên cảm được châu báu tạo thành; mỗi mỗi đều có bảy, nghĩa là Bồ-tát nhị địa trì giới, đầy đủ bảy chi, Bồ-tát tam địa chiếu rõ giáo lý, hành quả của tam thừa cũng có bảy. Ngoài ra còn có bảy loại nhẫn nhục quán là An thọ khổ nhẫn, đế sát pháp nhẫn, năm loại còn lại đều là nại, oán và hại nhẫn. Tức là thân thiện tướng, chuẩn pháp tướng, vô thường tướng, hữu khổ tướng và Nhiếp thọ tướng, như u tán quyển thượng đã ghi rõ.

Chánh văn: *Mỗi một vật báu phát ra năm trăm ức tia sáng, mỗi một tia sáng lại có năm trăm ức hoa sen.*

Tán:

Đoạn này gồm hai loại trang nghiêm.

Ánh sáng và hoa: Bồ-tát tứ địa tu chứng bảy pháp Bồ-đề phần, lửa trí tuệ tăng mạnh, trăm hạnh trợ giúp mà cảm được một trăm ức tia sáng. Bồ-tát Ngũ địa quán tứ đế, ra khỏi bùn sinh tử, hoa trí nở tràn đầy, bên trong đạt được năm minh, bên ngoài cảm được năm trăm ức hoa sen.

Chánh văn: *Mỗi một hoa sen hóa thành năm trăm ức hàng cây bảy báu, mỗi một lá cây có năm trăm ức màu sắc quý giá.*

Tán: có hai loại trang nghiêm.

Cây cối và màu sắc

Bồ-tát lục địa quán mười hai nhân duyên, chán ghét cây sinh tử khổ mà cảm được cây bảy báu, gió tư tuệ lay động cây cối mà quán duyên khởi. Cây bảy báu, là do bảy mươi bảy trí quán dẫn sinh. Cho nên Bồ-tát thất địa chỉ thực tu chân vô tướng quán, chứng pháp tánh sắc mà cảm được diệu sắc.

Chánh văn: *Trong mỗi một màu báu lại có năm trăm ức ánh sáng vàng Diêm-phù-đàn, trong mỗi một ánh sáng vàng Diêm-phù-đàn, lại có*

năm trăm ức Thiên bảo nữ.

Tán: có hai loại:

Sắc vàng và Thiên nữ: Bồ-tát Bát địa thì hình tướng và quốc độ đều được tùy thuận tự tại, cho nên có thể hiện khởi ánh sáng vàng Diêm-phù-đàn. Đây là loại vàng tối thắng, vì vàng này ở trong dòng sông chảy qua rừng cây Diêm-phù ánh sáng màu sắc che mờ tất cả các loại ánh sáng khác, cho nên chỉ nêu lên một loại vàng này. Bồ-tát Địa thứ chín thành thực bốn vô ngại giải, giáo hóa làm lợi ích chúng sinh, sinh khởi thiện căn, cho nên cảm được Bảo nữ.

Chánh văn: *Mỗi một Thiên nữ đều đứng dưới cây báu, cầm trăm ức báu vật và vô số anh lạc, tất cả đều phát ra âm nhạc vi diệu.*

Tán:

Những Thiên nữ đều cầm các báu vật và anh lạc, những vật này phát ra âm nhạc vi diệu. Đà-la-ni môn và Tam-ma-địa, Bồ-tát Thập địa đã chứng đắc, nên được sức thần thông vô ngại, vì thế mà cảm được châu báu anh lạc quý giá trang nghiêm, và hàng Bồ-tát này thuyết pháp như mây như mưa, nên cảm được âm nhạc phát khởi. Mười món trang nghiêm kể trên đều là do bên trong đầy đủ các đức nên bên ngoài chiêu cảm diệu quả. Thập thiện nghiệp đạo, hay thập lực trí... đều tùy thuận mà giải thích phối hợp.

Chánh văn: *Bấy giờ, trong các âm nhạc lại diễn thuyết hạnh bất thoái chuyển địa pháp luân.*

Tán:

Lặp lại các loại trang nghiêm đã nêu có bốn: Âm nhạc thuyết pháp thứ mười. Thứ sáu, bảy châu báu và hàng cây, thứ tư ánh sáng pháp tối tăm, thứ hai tường rào cao dày.

Đoạn này thuộc về phần một.

Âm nhạc thuyết pháp: Bất thoái gồm có năm:

1. Người chưa tin thì sinh lòng tin bất thoái.
2. Người chưa được Định thì đạt được định, ở giai vị bất thoái.
3. Người chưa chứng đắc thì chứng đắc bất thoái.
4. Người chưa tu tập thì tu tập được hạnh bất thoái.
5. Người đã đoạn thì không còn sinh phiền não, được đoạn bất thoái.

Đây là hạnh bất thoái địa pháp luân chung cho hàng tam thừa. Pháp luân là năng thuyết, hạnh là sở thuyết, chánh pháp luân, chỉ là hạnh sở thuyết, chuyên phá diệt và di chuyển cùng khắp, cho nên hạnh tức pháp luân. Nay luận về hạnh pháp luân, cho nên biết giáo gọi

là pháp luân tức nói năm giai vị tu hành kia; vì thính chúng có đầy đủ tam thừa, cho nên có năm pháp luân, đó là tự tánh, quyến thuộc, nhân, cảnh và quả, như trong chương sơ đã nói. Nay luận đến hạnh, tức là gom nhiếp ba pháp luân đầu tiên. Hoặc gom nhiếp tất cả.

Chánh văn: *Loại cây kia, sinh ra quả, có sắc như pha lê, tất cả màu sắc khác dung nhập vào màu pha lê.*

Tán:

Châu báu và hàng cây: Màu của pha lê là màu đỏ, là màu căn bản, tất cả các màu sắc khác đều bị màu này hàm nhiếp mà dung nhập vào đó hiển thị cho việc những chúng sinh được giáo hóa đạt cứu cánh vị, thì đồng quy về nhất thừa.

Chánh văn: *Những vầng ánh sáng này đều uyển chuyển, xoay tròn theo chiều bên phải, lưu xuất ra những âm thanh vi diệu, diễn nói pháp đại Từ đại Bi.*

Tán:

Ánh sáng phá tối tăm: Uyển chuyển, xoay tròn theo chiều bên phải là biểu thị cho việc Bồ-tát thực hành tất cả hạnh đều không lìa ánh sáng trí tuệ, và các pháp đại Từ đại Bi cứu khổ ban vui do trí tuệ dẫn dắt. Đại từ dùng không sân hận làm tánh, đại Bi dùng không sân không si làm tánh. Từ bi mỗi mỗi đều có ba duyên: Hữu tình duyên duyên với giả hữu tình, pháp duyên chỉ thấy có pháp mà không thấy có hữu tình. Vô duyên, không có pháp tướng chỉ có chân lý. Hoặc hữu tình duyên, duyên với hữu tình mà khởi. Pháp duyên duyên với mười hai phần giáo mà khởi. Vô duyên duyên chân như mà khởi, vì không có sở duyên. Đức Di-lặc là đấng Từ tôn dẫn dắt muôn loài cho nên diễn nói pháp Từ bi.

Chánh văn: *Mỗi một tường thành cao sáu mươi hai do-tuần dày mười bốn do-tuần.*

Tán:

Tường thành: Tường thành vây quanh, cao sáu mươi hai do-tuần biểu thị cho việc những người sinh về cõi này đã phá sáu mươi hai kiêu chấp. Dày mười bốn do-tuần, ngăn chặn và phá diệt mười bốn việc chẳng thể ghi nhớ. Trong bốn ý này, hai ý đầu thực hành thì đều quy về nhất thừa; nhưng phát tâm, chứng quả thì có sai biệt; ý thứ ba là diệt trừ tham sân si, cứu giúp hữu tình; ý cuối cùng là vĩnh viễn đoạn trừ tà kiến của ngoại đạo.

Chánh văn: *Năm trăm ức Long vương vây quanh tường thành này.*

Tán:

Trong phần tạo ngoại cung điện, đây là phần thứ ba.

Long vương giữ gìn: Gồm có ba: giữ gìn, mưa hàng cây báu. Hàng cây thuyết pháp.

Đoạn chánh văn này thuộc phần thứ nhất.

Giữ gìn: Đấng Pháp vương giáo hóa thì thiên thần giữ gìn; sợ bên ngoài xâm hại, cho nên các Long vương thủ hộ. Năm trăm ức, biểu thị cho nội tâm đầy đủ năm lực, bốn ma không thể xâm hại khuấy phục; bên ngoài có long vương giữ gìn thì hàng phi nhân không thể bức hại, bên trong giữ năm giới thì các pháp ác không thể xâm hủy. Bên ngoài cảm được Long vương vây quanh thì các tai họa tự tiêu diệt.

Chánh văn: *Mỗi một Long vương đều làm mưa xuống năm trăm ức hàng cây bảy báu để trồng trên tường thành.*

Tán:

Mưa cây báu: Nhờ có năm lực mà sinh khởi bảy Thánh tài, cảm được Long vương mưa cây báu. Bảy thánh tài là tín, giới, văn, xả, tuệ, tâm, quý.

Chánh văn: *Tự nhiên có gió thổi, lay động các hàng cây. Các cây chạm nhau phát ra tiếng diễn thuyết các Ba-la-mật, và khổ, không, vô thường, vô ngã.*

Tán:

Hàng cây thuyết pháp: Gió dụ cho đại Bi, tùy ý thổi, lay động cây trí chân tục, xúc chạm nhau mà phát ra các lời thuyết pháp như thế! Tất cả các pháp hữu lậu bức bách tự tánh đều là do khổ chấp; pháp thể đều vô danh, là không. Các pháp hữu vi sinh khởi vô cùng, luôn luôn đổi sinh diệt, thật không có tự thể chung, không có một thật ngã thường trụ. Do đó có thể khiến cho người tu hành vượt sang bờ bên kia gọi là Ba-la-mật.

Chánh văn: *Lúc bấy giờ, trong cung điện có một vị thần tên là Lao-độ-bạt-đề, từ tòa ngai đứng dậy, đánh lễ mười phương chư Phật và phát thệ nguyện rộng lớn rằng.*

Tán:

Trong phần luận về ngoại quả, phần thứ hai là luận về:

Một đại thần tạo pháp đường: tức là nội viện của Đức Từ Thị, vì dùng pháp đường làm chính cho nên gọi là tạo pháp đường. Thật ra, tạo nội viện phần sau mới luận đầy đủ. Ở đây được chia làm ba phần. Phát nguyện thành tựu quả sở nguyện. Chư Thiên thấy sự việc thù thắng liền phát nguyện vãng sinh (Lúc bấy giờ, mười phương vô lượng chư

Thiên...)

Phát nguyện: gồm hai là:

Nghi quỹ.

Chính thức phát nguyện.

Đoạn này thuộc phần thứ nhất:

Nghi quỹ: nương vào oai lực mà kính lễ khắp mười phương là muốn bày tỏ thệ nguyện rộng lớn. Tuy biết phàm Thánh đồng cảm thì nội viện mới thành, nhưng lực của Bồ-tát tăng phần nhiều do Thánh hiện. Một vị đại thần là biểu thị cho trí vô lậu sinh khởi quốc độ vi diệu. Kinh Phật Địa ghi: “Còn hơn cả những cảnh do thiện căn xuất thế gian hiển hiện, như lực dụng của hạt châu như ý.” Cho nên đó cũng là do phàm phu phát tâm Bồ-đề và trí gia hạnh chiêu cảm nên.

Chánh văn: *Nếu phước đức của con đủ để tạo Thiện pháp đường cho ngài Di-lặc, thì hãy khiến cho trên trán con, tự nhiên xuất hiện hạt châu.*

Tán:

Chính thức phát nguyện:

Nơi tuyên thuyết diệu nghĩa, gọi là Thiện pháp đường, biểu thị sự cung kính tôn trọng, nên có hạt châu hiện trên trán. Phần nội cung điện được trình bày ở phần sau, còn ở đây, vì pháp đường là tối thắng cho nên nêu lên trước.

Chánh văn: *Lời phát nguyện vừa xong. Trên trán tự nhiên xuất hiện một trăm ức hạt châu quý báu, đầy đủ tất cả các màu sắc của lưu ly, pha lê... như viên ngọc Ma-ni màu xanh tía trong ngoài đều trong suốt.*

Tán:

Nguyện xong, quả sở nguyện thành tựu: gồm năm: đó là tạo cung điện. Tạo vườn (bấy giờ trong quốc độ...) làm tòa (cũng có tòa sư tử bằng bảy báu...) tạo trụ (bốn góc cung điện có bốn trụ báu...) màu sắc Thiên cung Thiên nữ đều giống nhau (như thế thiên cung có một trăm vạn ức vô lượng bảo sắc...)

Trong phần tạo cung điện lại có tám, đó là:

1. Chánh thức tạo cung điện.
2. Làm lan can.
3. Thiên tử, Thiên nữ.
4. Tay có hoa.
5. Ánh sáng.
6. Nhạc khí.
7. Ca múa.

8. Thuyết pháp.

Chính thức tạo cung điện:

Có hai, đó là: Châu hiện, tạo cung điện.

Đoạn chánh văn này thuộc phần đầu.

Hạt châu xuất hiện: màu của lưu ly là màu xanh biếc, màu pha lê là màu đỏ, tất cả màu sắc đều gồm đủ, màu sắc của hạt châu trên trán, chỉ nêu lên hai màu lưu ly và pha lê làm chính, thì tất cả các màu khác tự nhiên cũng đều có đủ cả. Hoặc cho rằng màu của hai vật báu này gồm đủ tất cả các màu sắc khác. Tử tức màu tía; cám, thuyết văn ghi: “Tơ xanh đậm, liễu đỏ thắm, cả hai xen lẫn thành cám (xanh có pha đỏ).” Ở đây màu cám có hơi khác, đó là xanh xen lẫn màu tía, như hạt châu như ý trong suốt.

Chánh văn: *Hạt châu Ma-ni này xoay tròn trên hư không theo chiều bên phải, hóa ra bốn mươi chín lớp Bảo cung vi diệu.*

Tán:

Chính thức tạo cung điện: Bốn mươi chín lớp, biểu thị trì giới kiên cố, thì cảm cung điện dày kín nhiều lớp.

Chánh văn: *Mỗi một lớp lan can do vạn ức phạm Ma-ni báu tạo thành, giữa các lan can tự nhiên hóa sinh ra vô lượng ức vạn hoa sen bảy báu, trên mỗi một hoa sen lại có vô lượng ức tia sáng, trong mỗi tia sáng lại có các loại nhạc khí, những nhạc khí của cõi trời không cần đánh dụng mà tự kêu, khiến cho các thiên nữ tự nhiên cầm lấy nhạc khí, đua nhau ca múa, những âm thanh ca vịnh này lại diễn thuyết các thập thiện và bốn hồng thệ nguyện chư Thiên nghe xong đều phát tâm Vô thượng đạo.*

Tán:

Đoạn này gồm bảy ý còn lại là làm lan can. Hóa sinh Thiên nữ, Thiên tử. Tay cầm hoa sen. Có vô lượng tia sáng. Trong tia sáng có nhạc khí, nhạc khí không cần đánh gỏ mà tự nhiên kêu. Âm nhạc đã khởi, Thiên nữ ca múa. Ca vũ chẳng phải tạo nên sự vui chơi sinh tử mà chính là diễn nói pháp Thập thiện và bốn hồng thệ. Bốn hồng thệ nguyện là chưa xa lìa khổ thì nguyện xa lìa. Chưa được an lạc thì nguyện an lạc. Chưa phát tâm Bồ-đề đoạn ác tu thiện, thì nguyện sớm phát tâm, đoạn ác tu thiện. Chưa thành Phật thì nguyện sớm được thành Phật, cũng là biết khổ đoạn tập, chứng diệt và tu đạo. Chư Thiên nghe xong đều phát đại tâm, đó cũng là do tám Thánh đạo, tám giải thoát lạc trong thánh hạnh hiện khởi. Phàm trì tám giới là không sát sinh, không trộm cắp, không tà dâm, không vọng ngữ, không uống rượu, không

xông ướp hương hoa, không mang tràng hoa vào thân và không ca múa hát xướng; không nằm giường cao rộng, không ăn phi thời, nếu được như thế thì theo thứ tự cảm được các cảnh trên. Các hạnh của Thánh và phàm tự giúp chánh trí mà thành tựu, như tuệ là điều kiện đầu tiên đặt ra để trang nghiêm, trong đó mới được như thế, nếu không thì làm sao có những cảnh giới thù thắng ấy?

Chánh văn: *Bấy giờ bên trong các tường thành có các ao nước lưu ly tám sắc, mỗi một ao do năm trăm ức bảo châu hợp thành, trong mỗi ao lại có nước tám công đức đầy đủ tám màu, trên mặt nước lại vọt lên các tia nước cầu vòng muôn ngàn hoa báu tuôn trào, trên mỗi hoa lại có hai mươi bốn Thiên nữ, thân sắc vi diệu như thân tướng trang nghiêm của các Bồ-tát trên tay của các Thiên nữ tự nhiên lại hóa ra năm trăm ức vật báu, trong mỗi vật báu tự nhiên có đầy cam lồ của chư Thiên, trên vai trái đeo vô lượng anh lạc, trên vai phải lại mang vô lượng nhạc khí, như mây lành trụ giữa hư không, từ nước tám công đức mà hiện ra, tất cả đều tán thán sáu Ba-la-mật của Bồ-tát.*

Tán:

Đại thân tạo vườn: gồm hai; đó là: bảy thứ trang nghiêm. Vãng sinh về nơi ấy ắt được như thế.

Bảy thứ trang nghiêm.

1. Ao tám màu là xanh, vàng, đỏ, trắng, hồng, tía, xanh biếc và xanh lục.

2. Bảo châu hợp thành.

3. Nước tám vị, tức là nước có đầy đủ tám màu đã nói, là nước tám công đức có vị khiến người sinh ưa thích, gồm tám tánh chất, trong sạch, nhẹ, mát, điều nhu, thơm, ngon ngọt khi uống không làm tổn hại cổ họng, uống vào không đau bụng.

4. Tia nước vọt thành, cầu vòng, ngoài cửa thành hiện hoa sen. Nước tám màu sắc từ hoa lại tuôn ra, màu sắc của nước phản chiếu ánh hiện lẫn nhau, như dòng suối hoa báu.

5. Trên hoa có hai mươi bốn Thiên nữ, tức là trì bảy chi giới, phòng giữ điều ác trong ba đời, xa lìa ba tâm thọ cho nên chiêu cảm quả có hai mươi bốn.

6. Tay cầm vật báu chứa đầy cam lồ, biểu thị được pháp vị.

7. Vai trái các Thiên nữ mang anh lạc, vai phải mang nhạc khí, từ nước tám công đức xuất hiện như mây lành trên hư không, miệng tán thán sáu độ Ba-la-mật của Bồ-tát, trì bảy chi giới là ba thân, ngũ bốn, và tu bảy Thánh tài cùng với bảy giác chi, thì trừ được sự chiêu cảm

của bảy Tùy miên. Các Thiên nữ này, hoặc chẳng phải là người nữ thật, mà là những hình tướng do Phật và Bồ-tát hóa ra để trang nghiêm đạo tràng, hoặc những người nữ này là do trước kia trì giới thanh tịnh tinh tấn tu hành, không phạm giới, mà cảm hiện ra, không thể dùng tâm phàm phu suy lường được.

Chánh văn: *Nếu có người vãng sinh lên cõi trời Đâu-suất thì tự nhiên sẽ được các Thiên nữ tiếp đãi.*

Tán:

Vãng sinh ắt sẽ được quả báo thù thắng như thế.

Chánh văn: *Cũng có tòa sư tử lớn bằng thất bảo, cao bốn do-tuần, được vàng Diêm-phù-đàn và vô lượng các châu báu trang nghiêm.*

Tán:

Tọa tòa: Có mười, đoạn văn kinh này có hai, đó là:

Tòa cao rộng như pháp giới thanh tịnh, bao hàm bốn đức, tòa của hóa thân cao bốn do-tuần.

Được vàng và châu báu trang nghiêm là do trí hành của ba nghiệp trang nghiêm, bảy báu có ba thuyết khác nhau, kinh Vô Lượng Thọ ghi: “Kim ngân, lưu ly, pha lê, san hô, mã não, xa cừ.” Kinh Hằng Thủy ghi là: “Kim ngân, san hô, chân châu, xà cừ, minh nguyệt châu, ma-ni châu.” Luận Phật Địa thì ghi: “Kim ngân, phệ-lưu-ly, phả-chi-ca, mâu-sa-lạc-yết-bà (tướng đờng xa cừ), át-thấp-ma-dương-bà (mã não), xích chân châu.” Tuy còn có các loại như đế thanh, đại thanh, thạch tạng, xử tạng, nhưng thường chẳng được xem trọng nên không ghi vào. Ba thuyết nói trên là tùy thuận sự ưa thích, quý trọng của mỗi nơi mà có sai biệt, không thể giải thích lý do bất đồng này được.

Chánh văn: *Bốn góc của tòa Sư tử có hoa sen, mỗi một hoa sen do một trăm báu tạo thành, mỗi một vật báu lại phát ra một trăm tia sáng, các tia sáng vi diệu hóa thành năm trăm ức loại hoa báu, dùng để trang nghiêm màn báu.*

Tán

Đoạn này gồm có bốn:

Sinh bốn hoa: Trong tâm có đủ bốn vô lượng là Từ, Bi, Hỷ, Xả nên bên ngoài cảm bốn hoa.

Một trăm loại hoa báu vật trang nghiêm, tức là thập thiện nghiệp đạo, tự tu tập, dạy người khác tán thán vui mừng, ít phần, nhiều phần, toàn phần, một thời nhiều thời và tất cả thời, đều vui vẻ tu hành. Cho nên mỗi một hạnh có mười tên thành ra một trăm hạnh; trong tu một trăm hạnh, ngoài cảm một trăm báu, vì thế trước sau đều nói số một

trăm.

Phóng ánh sáng: Trí tuệ phá tối tăm.

Các loài hoa trang nghiêm: các hạnh trợ giúp.

Chánh văn: *Bấy giờ một trăm ngàn Phạm vương ở mười phương, đều cầm vật báu vi diệu của Phạm thiên, làm linh báu treo lên màn báu, và các tiểu phạm vương lại cầm vật báu của thiên chúng làm thành màn lưới phủ trên màn báu, lại có trăm ngàn, vô số Thiên tử, Thiên nữ quyến thuộc trải hoa báu lên tòa, các hoa này tự nhiên hóa hiện ra năm trăm ức bảo nữ, tay cầm phát trần trắng đứng hầu bên trong màn báu.*

Tán:

Bên trong tu bốn biện, bên ngoài cảm được đại Phạm thiên treo linh báu, người trời đều kính trọng.

Bên trong tu tổng trì, bên ngoài cảm được các tiểu Phạm thiên tạo màn lưới.

Thiên tử, Thiên nữ cầm hoa trải tòa.

Bảo nữ cầm phát trần trắng đứng hầu bên trong màn trướng, tất cả đều do phàm phu tu thập thiện, xa lìa thập ác, và do Bồ-tát giữ mười vô tận giới mà chiêu cảm thành.

Chánh văn: *Giữ bốn góc cung điện có bốn trụ báu, mỗi một trụ báu có một trăm ngàn lầu gác, được Phạm ma-ni châu trang sức, bên trong lầu gác lại có trăm ngàn Thiên nữ dung mạo kỳ diệu không gì sánh bằng, tay cầm nhạc khí, âm thanh từ các nhạc khí này phát ra, diễn thuyết các pháp, khổ, không, vô thường, vô ngã và các Ba-la-mật.*

Tán:

Tạo trụ: gồm có bốn:

Cung có bốn góc, mỗi góc có một cây trụ.

Mỗi trụ đều có lầu gác, được Bảo châu trang nghiêm. Phạm ma-ni tức là Tịnh ma-ni hoặc cho rằng đó là châu như ý của trời Đại phạm vương. Các trụ này được các Phạm ma-ni khảm thành các hoa văn.

Trong lầu gác có Thiên nữ cầm nhạc khí.

Âm thanh phát ra từ nhạc khí diễn thuyết pháp yếu.

Đó là do bên trong tu tứ niệm trụ, tâm bất động, cho nên bên ngoài cảm được bốn trụ có các vật báu trang nghiêm.

Chánh văn: *Các cung trời này đều có một trăm ức vạn vô lượng màu sắc quý báu, và mỗi một Thiên nữ cùng đồng màu sắc như thế.*

Tán:

Thiên cung và Thiên nữ: đều có Bảo sắc giống nhau. Đó là muốn hiển bày các tướng trang nghiêm ở nội viện, khiến cho các loại hữu tình

đồng nhập vào trí tuệ Phật.

Chánh văn: *Lúc bấy giờ, vô lượng chư Thiên ở mười phương mệnh chung, đều nguyện sinh về cung trời Đâu-suất.*

Tán:

Chư Thiên thấy các việc thù thắng liền phát nguyện vãng sinh có những vị khi Bồ-tát Từ Thị Di-lặc sinh về rồi mới phát nguyện, cũng có người, Bồ-tát Di-lặc chưa sinh về thì đã phát nguyện.]

Chánh văn: [Lúc bấy giờ, ở cõi trời Đâu-suất có năm vị thần lớn.]

Tán:

Năm vị Thần lớn trang nghiêm hai cung điện: có hai là Tiêu và Hiến.

Tiêu: Do hàng Bồ-tát, bên trong tu năm uẩn diệu dụng vô cùng, nên bên ngoài cảm được năm sức oai thần không gì sánh được. Năm uẩn là giới uẩn, định uẩn, tuệ uẩn, duyên với tuệ hữu vi, giải thoát uẩn tức giải thoát số, giải thoát tri kiến uẩn duyên tuệ vô vi.

Chánh văn: *Vị thần thứ nhất tên là Bảo Tràng Thân, làm mưa báu rải đầy khắp cung điện tường vách, mỗi một bảo châu hóa thành vô lượng nhạc khí treo trong hư không, những nhạc khí này không gõ mà tự phát ra vô lượng âm thanh làm chúng sinh vui thích.*

Tán:

Hiến: Bên trong giữ giới được cao tốt như tràng báu hiển lộ trên cao. Giới có bảy chi, cho nên mưa có bảy báu. Do trì giới cho nên mỗi mỗi đều xứng hợp với tâm người, mà cảm được âm nhạc thích ý chúng sinh.

Chánh văn: *Vị Thần thứ hai tên là Hoa Đức, thần làm mưa các hoa báu, hoa kết thành bảo cái che phủ cung điện, mỗi một hoa cái có một trăm ngàn tràng phan dẫn đường.*

Tán:

Bên trong tu định uẩn cho nên bên ngoài cảm được vị thần Hoa Đức. Nước định lắng trong sinh xuất diệu hoa, khởi bốn vô lượng tâm che chở bốn loài chúng sinh, cho nên mưa xuống các loại hoa hóa thành hoa cái (Bảo cái bằng hoa). Tức là vô lượng các lượng các hạnh trợ giúp thiền định, mà cảm được một trăm ngàn tràng phan dẫn đường.

Chánh văn: *Vị thần thứ ba tên là Hương Âm, từ các lỗ chân lông ở toàn thân tuôn ra hương hải thử ngọc Chiên-đàn vi diệu, như vầng mây trăm màu báu, nhiều các cung điện bảy vòng.*

Tán:

Bên trong đầy đủ tuệ uẩn, thuyết pháp lợi sinh, phá tan vô minh dơ xấu, nên bên ngoài cảm được vị thần Hương Âm. Trí tuệ rất quý trọng như hương hải thử ngọc. Sáu thù hương này giá trị bằng cõi Ta-bà. Nhiều cung điện bảy vòng là diệt trừ bảy lậu hoặc. Bảy lậu, tức là kiến lậu, niêm lậu, ái lậu, tư duy lậu, căn lậu ác lậu và thân cận lậu.

Chánh văn: *Vị thần thứ tư tên là Hỷ Lạc làm mưa xuống các châu như ý, mỗi một hạt châu như ý tự nhiên dính trên tràng phan, diễn thuyết vô lượng quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tỳ-kheo tăng và thuyết năm giới cùng với vô lượng thiện pháp và các Ba-la-mật, làm lợi ích, tán thán khuyến răn giúp đỡ những người cầu âm thanh Bồ-đề.*

Tán:

Bên trong đạt được giải thoát uẩn, bên ngoài cảm được vị thần Hỷ Lạc, xa lìa tà kiến, sâu khổ, đạt được niềm vui thắng giải. Tâm đã quyết định, thì tu hành thành tựu, cho nên có mưa châu như ý. Tâm thường quyết định trụ ở chân như, cho nên bên ngoài cảm được thần châu dính trên tràng phan; đã thuyết tam quy, lại còn thuyết năm giới và các thiện pháp. Nhiều ích tức là lợi lạc; khuyến tức khuyến tấn; trợ tức giúp đỡ cứu khổ, âm tức âm thanh; giả tức hành giả, ý này là muốn hiển thị rằng thần châu diễn thuyết tam quy và năm giới để lợi lạc, khuyến tấn những hành giả phát tâm cầu âm thanh Đại Bồ-đề.

Chánh văn: *Vị thần thứ năm tên là Chánh Âm Thanh, từ lỗ chân lông trên toàn thân vị này phun ra các dòng nước, trên mỗi dòng nước lại có năm trăm ức hoa, trên mỗi hoa có hai mươi lăm ngọc nữ, các lỗ chân lông trên toàn thân của ngọc nữ lại phát ra các loại âm thanh vi diệu hơn cả âm nhạc của vợ thiên ma.*

Tán:

Bên trong giải thoát trí kiến uẩn, bên ngoài cảm được vị thần Chánh Âm Thanh, trí thuận chánh lý, như chánh âm thanh. Phun ra các dòng nước tức là trí tuệ nhuần thấm mầm chánh giác, lại có năm trăm ức hoa để trang nghiêm đức. Hai mươi lăm ngọc nữ biểu thị cho việc làm lợi ích sinh ra các thiện căn của hai mươi lăm hữu. Các ngọc nữ phát ra âm thanh tức là các chúng sinh trong hai mươi lăm hữu đều quy y và nhớ nghĩ, vì âm thanh xuất thế gian rất vi diệu để sinh vui thích nên thù thắng hơn âm nhạc vợ Thiên ma.

Hoặc cho rằng năm vị thần này là do công phu tu trì năm giới mà chiêu cảm được, cũng là cảnh chiêu cảm của năm thần thông, là thần túc thông, tha tâm thông, túc mạng thông, thiên nhĩ thông và thiên nhãn thông.

Chánh văn: Đức Phật bảo Ưu-ba-ly rằng: “Cõi trời Đâu-suất đã này là cõi phước đức thắng diệu của người tu thập thiện sinh về.”

Tán:

Quy kết sở nhân tán thán cảnh thù thắng.

Gồm có hai là quy kết sở nhân, tán thán.

Đoạn này thuộc phần một là:

Kết sở nhân: Mười nghiệp bất thiện, chiêu cảm bốn quả, đó là quả dị thực, quả đẳng lưu, quả tăng thượng và quả sĩ dụng. Mười nghiệp thiện chiêu cảm năm quả, đó là bốn quả trên và thêm vào quả ly hệ. Nghiệp vô lậu chiêu cảm bốn quả, tức năm quả trên trừ quả dị thực. Nghiệp hữu lậu chiêu cảm bốn quả, tức năm quả trên trừ quả ly hệ. Hai loại đắp đổi lẫn nhau, cho nên chỉ có năm quả. Tới đoạn sau luận về trong thân tức là quả dị thực. Lại cho rằng trong một thời gian mà thành tựu được năm trăm ức Thiên tử đạt giác vị bất thoái tức là quả ly hệ, còn các tướng trường thọ... là quả đẳng lưu, các quả bên ngoài này thì gồm hai loại là quả tăng thượng và quả sĩ dụng. Như Luận Du-già quyển năm mươi chín, sáu mươi và luận Đối pháp quyển tám có nói rõ quả tướng của Thập ác nghiệp đạo; ngược lại là quả của Thập thiện nghiệp đạo, ở đây chỉ nói chung quả của Thập thiện mà không nêu riêng. Nhưng tất cả các thiện đều gồm vào mười thiện này. Nghiệp đạo là căn cứ theo trong, còn mười thiện là chỉ cho khinh. Cho nên nay căn cứ theo chung mà gom nhiếp tất cả. Tùy theo nghĩa mà có sự hiểu biết chính đáng.

Chánh văn: Nếu ta trụ thế trong một tiểu kiếp cũng không nói hết báo ứng của Bồ-tát Bồ-xứ và quả của thập thiện. Nay ta chỉ lược nói cho các ông biết mà thôi.

Tán:

Tán thán: Sự thù thắng một tiểu kiếp tức là kiếp bằng số ngày, tháng, năm. Ba kiếp tu nhân thì quả ắt phải vô lượng, huống gì cảnh giới do Phật thị hiện khó nghĩ bàn, phàm tu thiện nhân ắt quả cũng rộng lớn, cho nên một tiểu kiếp nói cũng khó mà hết. Tức là nhân Phàm Thánh chiêu cảm hai quả ngoại cung nội viện bàn rộng thì vô biên.

Chánh văn: Đức Phật bảo Ưu-ba-ly rằng: “Nếu có Tỳ-kheo và tất cả đại chúng không chán ghét sinh tử, thích sinh về cõi trời, có tâm ái kính Vô thượng Bồ-đề, muốn làm đệ tử của Đức Di-lặc, thì nên quán xét như thế.”

Tán:

Khuyến sinh về cõi Đâu-suất: Gồm có ba:

Nếu những hạng người được sinh về, chỉ dạy hạnh tu để được vãng sinh. Tổng kết thành chánh quán.

Đoạn này thuộc phần một:

Những người được sinh về gồm có ba:

Bồ-tát tu hành không chán ghét sinh tử, chịu khổ sinh tử để làm lợi lạc chúng sinh, cho nên thích sinh về cõi trời, vì muốn thoát khỏi sở y mà tu diệu hạnh, đối với tất cả chúng sinh đều xem tôn quý cho nên mình ở thân phận kém, tự thân tu hành chưa viên mãn. Nên thích sinh về Đâu-suất, diện kiến Phật Di-lặc. Không giống như Nhị thừa chán sinh tử khổ, sợ cảnh trời buông lung, nên chẳng thích sinh về.

Người có tâm mến thích đạo Vô thượng Bồ-đề.

Thích tu thắng hạnh cầu đạo Bồ-đề thì nghe hiểu được đại pháp của Đức Di-lặc diễn thuyết, nếu người không thích Đại thừa, mong cầu tiểu quả thì tùy thuận cảnh giới thọ sinh mà vui với Niết-bàn.

Muốn làm đệ tử của Đức Phật Di-lặc: Nguyên ở đời ác thì làm việc thiện, nếu có hữu tình nào khổ đau mong cầu cứu giúp thì không nguyện ở Tịnh độ làm đệ tử các Đức Phật khác, nếu có hữu tình không khổ để tế độ thì dạy họ rằng không có khổ để nhàm chán, vì tâm vui thích không sâu nặng. Lại vào thời mạt pháp của Đức Thích-ca. Những người giữ giới, phạm giới, có giới, không giới Đức Thích-ca đều phó chúc cho Di-lặc độ họ, vì giải hành còn kém, khó sinh về Tịnh độ, nên làm đệ tử Đức Di-lặc. Trên đã nêu nên quán Thiên cung như thế, vậy quán như thế nào?

Chánh văn: *Nếu quán như thế này, nên giữ năm giới, tám trai giới, cụ túc giới thân tâm đều tinh tấn, chẳng cầu đoạn kết sử tu tập mười thiện, mỗi mỗi đều nên tư duy những sự vui thú ở cõi trời Đâu-suất.*

Tán:

Chỉ dạy tu hành để được vãng sinh; gồm có năm nhân phải tu tập:

1. Giữ năm giới.
2. Giữ tám trai giới.
3. Giữ giới cụ túc, những giới mà năm chúng xuất gia phải thọ nhận đầy đủ, đều gọi là cụ túc.
4. Thân tâm tinh tấn, chẳng cầu đoạn kết sử. Tinh tức là tinh thuần không xen lẫn điều xấu, tấn tức thăng tiến không giải đãi lui sụt. Chẳng cầu đoạn kết, nghĩa là chẳng phải tinh tấn tu sáu hạnh đoạn kết sử, vì đoạn kết sử thì sinh về hai cõi trời trên cõi Đâu-suất
5. Tu pháp Thập thiện.

Nay luận theo hành phàm phu tán tâm, tu năm nhân hạnh thô thì cảm ngoại cung nội viện, nghiệp quả tăng thượng chưa phải phân biệt lớn nhỏ. Giải thích nghiệp nhân vãng sinh, trong phần khuyến tấn sinh về mới chỉ dạy đầy đủ. Tuy tu các nhân trên, nhưng mỗi mỗi cần phải tư duy diệu lạc của trời kia mà hồi hướng nguyện sinh, cho nên hạnh trước chẳng phải quán, mà quán là đầu tiên, vì thế tư duy tức là quán.

Chánh văn: Quán như thế gọi là chánh quán, quán pháp quán khác thì gọi là tà quán.

Tán:

Kết thành chánh quán: tức là tư duy rằng cách xa thời Phật thì nhiều phiền não, hạnh chưa đủ, được Phật phó chúc, thích được Phật đương lai cứu độ qua khỏi bến bờ của thời mạt pháp, thật đó là chánh quán; còn nghiệp nhẹ, thức tâm yếu, trí lượng nhỏ hẹp mà thích cầu sinh về Báo độ, vượt quá sự mong cầu, không xứng với bệnh và hành, cho nên đó là tà quán.

Chánh văn: Lúc bấy giờ, Ưu-ba-ly, từ tòa ngai đứng dậy, chỉnh trang y phục, cúi đầu đảnh lễ, mà bạch Phật rằng: “Bạch Thế Tôn! Cõi trời Đâu-suất đã có việc vui thú kỳ diệu như thế.”

Tán:

2. Luận về nội quả: gồm có ba:

1. Khả thỉnh.
2. Rộng đáp.
3. Khuyên sinh về, sau khi Phật diệt độ.

a. Khả thỉnh: có ba:

1. Oai nghi thỉnh.
2. Tán thán.
3. Chánh thỉnh.

Đoạn này gồm phần một và hai.

Oai nghi thỉnh: Từ lúc bấy giờ,... đảnh lễ”.

Tán thán: Từ bạch Phật... như thế.

Chánh văn: Vị đại sĩ này khi nào thì từ Diêm-phù-đề mệnh chung và sinh về cõi trời kia?

Tán:

Chánh thỉnh: Gồm hai ý, đó là hỏi bao giờ mệnh chung ở cõi này và hỏi sinh về cõi trời kia.

Chánh văn: Đức Phật bảo Ưu-ba-ly rằng: “Vào ngày mười lăm tháng hai mươi hai năm sau, vị Bồ-tát này ngai kết già nhập diệt tận định tại nơi ngài sinh ra đó là nhà vị Bà-la-môn Ba-bà-lợi ở thôn Kiếp-ba-lợi,

nước Ba-la-nại.

Tán:

Đức Phật đáp rộng: có bốn

Mệnh chung ở cõi này.

Sinh về cõi kia (Lúc bấy giờ, ở cõi Đâu-suất-đà...)

Theo lời hỏi, cho nên luận về thời gian hạ sinh, thọ mạng ở cõi trời kia (thọ mạng ở Diêm-phù-đê...)

Tổng kết (Phật Bảo Ưu-ba-ly...)

Mệnh chung ở cõi này: Gồm có bảy.

Đoạn chánh văn này có ba.

Ngày tháng năm mệnh chung: Sau mười hai năm biểu thị cho việc nghe thọ ký liền vượt thoát mười hai duyên khởi sinh tử. Tháng hai, kinh Niết-bàn ba mươi ghi: “Tháng hai gọi là tháng xuân dương, tháng này vạn vật sinh trưởng gieo trồng thì cây cối đâm chồi nảy lộc, ra hoa kết trái, tươi tốt sum suê, sông hồ đầy nước, rừng núi xanh um, trăm thú đầy sức sống, lúc bấy giờ, chúng sinh dễ sinh khởi ý tưởng về thường hằng; vì muốn phá tướng chấp này mà nói tất cả pháp đều là vô thường, chỉ có Như Lai là thường trụ không biến diệt. Trong sáu thời, thì mạnh đông, muôn vật khô héo, chúng sinh không ưa thích, xuân dương ôn hòa, mọi người đều tham ái, vì muốn phá an lạc của chúng sinh thế gian, cho nên thuyết Thường, Lạc, Ngã, Tịnh cũng như thế.” Nói tháng hai tức dụ cho hai loại Pháp thân là tự tánh thân và trí Pháp thân. Mùa Đông chúng sinh không ưa thích là dụ cho người trí không muốn Như Lai vô thường, vào Niết-bàn. Tháng hai mọi người ưa thích là dụ cho người trí muốn Như Lai trụ nơi Thường, Lạc, Ngã, Tịnh. Gieo trồng dụ cho việc nghe pháp sinh hoan hỷ, phát tâm Bồ-đề gieo trồng thiện căn. Sông hồ dụ cho các Đại Bồ-tát ở mười phương đều vân tập đến chỗ Phật, để thọ nhận pháp đại Niết-bàn của Như Lai. Trăm thú đầy sức sống dụ cho đệ tử Phật sinh trưởng thiện căn; hoa dụ bảy giác chi, quả dụ cho bốn quả. Vì các nghĩa trên cho nên tháng hai Đức Phật Niết-bàn. Phẩm Sư Tử Hống ghi: “Sơ sinh, xuất gia, thành đạo chuyển diệu pháp luân đều vào mồng tám, vì sao Niết-bàn vào ngày mười lăm. Ngày thiện nam! Ngày mười lăm thì mặt trăng tròn đầy, chư Phật cũng thế, nhập Niết-bàn viên mãn, cho nên lấy ngày mười lăm nhập Niết-bàn, ngày mười lăm khi mặt trăng tròn đầy thì có mười một việc như sau: Phá tối tăm, khiến biết được đạo và phi đạo, khiến biết tà chánh, trừ nóng bức được mát mẻ, phá trừ tâm nhỏ nhen và cống cao, có thể phá trừ tất cả ý tưởng trộm cắp, phá trừ sợ hãi ác thú của chúng sinh, làm cho hoa Ưu-bát-la nở, hoa

sen khếp, khai phát tâm tiến bước cho người tu hành, khiến cho chúng sinh ham thích thọ năm dục, đạt được khoái lạc. Như Lai nhập Niết-bàn vào ngày mặt trăng tròn đầy cũng như thế, có mười một việc: Phá trừ vô minh tối tăm, diễn thuyết chánh đạo tà đạo, chỉ rõ sinh tử nguy hiểm bất an, Niết-bàn bình ổn an lạc, khiến chúng sinh xa lìa sự thiêu đốt của tham sân si, diệt tắt ánh sáng của ngoại đạo, phá diệt giặc phiền não trời buộc, trừ tâm sợ năm cái, khai mở thiện căn cho chúng sinh tiến tu hưởng đến Niết-bàn, khiến chúng sinh ưa thích tu tập đạo giải thoát. Vì thế ý nghĩa Đức Di-lặc nhập Niết-bàn vào ngày mười lăm đã đồng, thì khi nhập Niết-bàn cũng không khác Phật.

Nơi mệnh chung: Mệnh chung tại nơi đã sinh ra, cha Bồ-tát tên Ba-bà-lợi. Đức Thích-ca sinh ở nước Ca-duy-la-vệ, nhập diệt ở Câu-thi-na, biểu thị cho duyên giáo hóa ở phương này đã hết đến giáo hóa ở phương khác. Kinh Xử Thai hai ghi: “Sắc thân của ta hôm nay đã diệt, chẳng sinh lại cõi Diêm-phù-đề này, nơi mười phương ba mươi hai cõi bao trùm các Phật sát, ở trong đó mà hành các Phật sự. Duyên nơi này đã tận. Nhưng nơi kia chẳng tận.” Đức Từ Thị nhập diệt tại nơi đã sinh ra, tức duyên ở đây chưa tận, biểu thị cho việc sau khi diệt ở đây, còn sinh lại kia để thực hành lợi tha.

Hình tướng lúc nhập diệt là ngồi kiết già, như nhập diệt tận định Đức Thích-ca thì nằm nghiêng hông phải phía dưới, đầu xoay về hướng Bắc, tay phải làm gối mà nhập Niết-bàn. Trong bốn oai nghi nằm là cuối cùng, biểu thị việc Đức Thích-ca hóa duyên đã hết, vì muốn nằm thì trước phải ngồi, hiển thị việc Đức Di-lặc lợi lạc chúng sinh chưa xong, vị lai đắc quả thì Phật sự mới hoàn tất, hai vị ý nghĩa nhập diệt bất đồng tức là biểu thị đã chung cực và chưa chung cực khác biệt. Như nhập diệt tận định, tựa nhập Niết-bàn, thật ra chưa viên mãn, còn phải thượng sinh.

Chánh văn: *Thân sắc vàng tía phát ánh sáng rực rỡ kỳ diệu, như ánh sáng của một trăm, ngàn mặt trời chiếu vào cõi Đâu-suất-đà.*

Tán: Tướng sinh cuối cùng: Thân màu vàng tức biểu thị việc lợi ích chúng sinh đời vị lai là đầu. Như trăm ngàn mặt trời có thể phá tâm tưởng ngu si, tham ái của chúng sinh.

Chánh văn: *Xá-lợi thân như tượng vàng, không lay động.*

Tán: Thân Xá-lợi: Xá-lợi tức lúa gạo, Đà đô tức là thân, thân của Phật khi thiêu xong thì còn lại những hạt lớn nhỏ như lúa cho nên lấy đó làm tên. Xá-lợi của Đức Phật Thích-ca thì chia thành nhiều hạt nhỏ, biểu thị cho việc phân thân ở mười phương, nơi nơi đều được giáo hóa,

lợi ích, còn Di-lặc thì xá-lợi toàn thân, biểu thị cho việc giáo hóa chỉ ở cõi trời Đâu-suất, chẳng lay động, biểu thị Pháp thân Phật vốn không sinh diệt lay động.

Chánh văn: Trong hào quang quanh thân hiện rõ tự nghĩa của Thủ-lăng-nghiêm Tam-muội Bát-nhã ba-la-mật.

Tán: Hào quang linh dị:

Phạm, Tam-ma-địa. Hán dịch là Đăng trì, nói Tam-muội là lầm chữ và nghĩa của Diệu Định Diệu Tuệ trong Đại thừa hiện ra rực rỡ tức hiển thị trong hào quang này có chữ và nghĩa của Định, tuệ rực rỡ trước mắt; rõ ràng, thấy chữ mà hiểu được nghĩa, cho nên nghĩa tương xứng hiện ra, nếu không như thế, vì sao trong hào quang có thể hiện nghĩa; tuy đã nhập diệt thiên định nhưng trí tuệ cũng do đó mà hiển.

Chánh văn: Lúc bấy giờ, chư Thiên, tức thời dựng các diêu bảo tháp cúng dường xá-lợi.

Tán: Chư Thiên cúng dường: Tuy đã nhập diệt nhưng Xá-lợi toàn thân vẫn còn.

Chánh văn: Lúc bấy giờ, bỗng nhiên hóa sinh nơi tòa Sư tử, trong điện Ma-ni trên đài bảy báu ở cõi trời Đâu-suất.

Tán: Sinh về cõi kia: có sáu đoạn:

1. Nơi sinh.
2. Tướng sinh.
3. Thân lượng trang nghiêm.
4. Dị Thánh thần biến.
5. Tướng tốt quang minh.
6. Thuyết pháp lợi ích.

Đoạn chánh văn này thuộc:

Nơi sinh: Đài thất bảo, tức là bảy thánh tài trang nghiêm, tức pháp đường tòa sư tử, tức là vị trí của pháp vương trong đài bảy báu đạt được sức vô úy cùng tột, hóa sinh là loại sinh tốt nhất trong bốn loại sinh các vị trời khác đều từ đầu gối của cha mà sinh ra, còn Đức Di-lặc thì hóa sinh ở tòa sư tử, phàm Thánh khác nhau. Hiển thị Bồ-tát đã lia dục sinh.

Chánh văn: Ngồi kiết già trên hoa sen, thân có màu vàng Diêm-phù-đàn.

Tán:

Tướng sinh: Trên hoa sen, trên tòa sư tử lại có hoa sen, tất cả tòa Phật ở Tịnh độ đều là tòa sen, biểu thị ra khỏi vũng bùn sinh tử, lia hẳn dòng nước đục Nhị thừa. Ngồi kiết già, như thế rộng cuộn tức là bàn

chân trái đề lên đùi phải ngồi theo thế hàng phục, bàn chân phải đề lên đùi trái theo thế kiết tường, khi sắp thuyết pháp hiển thị tướng ngồi kiết tường. Thân sắc như vàng ròng, biểu thị sự quý báu đáng tôn trọng.

Chánh văn: Cao mười sáu do-tuần, đầy đủ ba mươi hai tướng của bậc Đại nhân, tám mươi vẻ đẹp, trên đỉnh có nhục kế màu tía xanh lưu ly, và có Thích-ca Tỳ-lăng-già Ma-ni và trăm ngàn vạn ức ngọc báu chân-thúc-ca trang sức trên mũ báu (Thiên quan).

Tán: Thân lượng trang nghiêm: cao mười sáu do-tuần, biểu thị đức cao vô lượng vượt khỏi sáu đường, trên cả mười Địa, trong nghĩa tướng tốt ở phần sau sẽ luận đến. Thọ lượng tùy theo chư Thiên mà thị hiện đồng thể tục, thân lượng hơn chư Thiên vì thật đức cao tuyệt. Tóc trên nhục kế có màu xanh tía lưu ly; Thích-ca Tỳ Lăng-già ma-ni, nghĩa là có thể hiện các loại như ngọc Như ý và chân-thúc-ca để trang sức mũ trời. Chân-thúc-ca là loại báu vật hình giống như ngọc Diên khuê, sắc như Lưu ly đỏ.

Chánh văn: Mũ báu trời ấy có trăm vạn ức màu sắc, trong mỗi một màu có vô lượng trăm ngàn hóa Phật với hóa Bồ-tát làm thị giả lại có các Đại Bồ-tát ở cõi khác hiện mười tám thần biến, tùy ý tự tại trụ nơi mũ báu.

Tán: Dị Thánh thần biến: Muốn hiển việc lấy tâm làm đầu thường cùng chư Phật và Bồ-tát mười phương làm bạn lữ. Mười tám thần biến là chấn động, ánh sáng rực rỡ, lưu bố, thị hiện, chuyển biến, vắng lai, co, duỗi, các ảnh tượng nhập vào thân, đồng loại đều đến, ẩn, hiện, tự tại làm việc chế phục thần thông của kẻ khác, ban cho chúng sinh biện tài, ban cho chúng sinh sự nhớ nghĩ, ban cho chúng sinh sự an lạc, toàn thân phóng ánh sáng rực rỡ, như luận Du-già ba mươi bảy đã nói.

Chánh văn: Từ tướng lông trắng giữa hai chặng mày của ngài Di-lặc phóng ra những luồng ánh sáng có màu sắc của trăm báu, trong mỗi một tướng của ba mươi hai tướng phát ra năm trăm ức màu sắc báu, trong mỗi vẻ đẹp cũng có năm trăm ức màu sắc báu, mỗi một tướng tốt và vẻ đẹp lại lưu xuất ra tám mươi ngàn vầng mây sáng rực rỡ.

Tán: Tướng hảo quang minh: Tướng lông trắng là tướng thứ ba mươi mốt trong ba mươi hai tướng. Tướng này của chư Phật đều ở khoảng giữa của hai chặng mày, rất đoan nghiêm. Mặt là tôn quý, gian là ngay chính giữa biểu thị cho việc Phật luôn luôn quý trọng trung đạo. Tướng bạch hào, mỗi khi phóng ra thì dài vô lượng, khi thu lại thì như vầng trăng thu, trắng như ngọc đồn sáng, chiếu soi các cảnh; trắng là màu gốc, biểu thị cho tâm; tùy thời mà co duỗi, biểu thị tùy duyên. Phóng ra

những luồng ánh sáng, biểu thị cho tướng tối thắng nhất trong các tướng của bậc Thánh tam thừa. Vì thế nói các bậc Thánh hạ địa không có, cho nên chỉ nêu lên tướng này ba mươi hai tướng, kinh Đại Bát-nhã ba trăm tám mươi mốt ghi: “Đức Phật bảo rằng: Này Thiện Hiện! Thế nào là ba mươi hai tướng của Như Lai?”

Tướng thứ nhất: Bàn chân Thế Tôn bằng, đầy đặn là tướng an trụ vững chắc, giống như đáy hộp, mặt đất tuy có cao thấp, nhưng bàn chân của Thế Tôn bước đi luôn luôn tiếp xúc đầy đủ.

Tướng thứ hai: Bàn chân Thế Tôn, các đường vân tạo hình bánh xe ngàn nan hoa, với đầy đủ các tướng của hình trụ.

Tướng thứ ba: Tay chân Thế Tôn đều mềm mại như Đậu-la-miên, hơn tất cả mọi loài.

Tướng thứ tư: Giữa các ngón tay ngón chân Thế Tôn đều giống như bàn chân của loài nhạn chúa, đều có các màng mỏng nối liền, màu vàng ròng, các đường vân giao nhau như một bức họa đẹp.

Tướng thứ năm: Các ngón tay ngón chân thon dài, trông rất dễ mến.

Tướng thứ sáu: Gót chân đầy đặn cân xứng với lưng bàn chân, hơn các loài hữu tình.

Tướng thứ bảy: Lưng bàn chân nhô cao, cũng đầy đặn, mịn màng rất đẹp tương xứng với gót chân.

Tướng thứ tám: Hai đùi tròn, lẳn lượ thon dãn, giống như đùi của Lộc vương Ē-ni-da tiên.

Tướng thứ chín: hai tay tròn, thẳng và dài chấm gối, giống như vòi của voi chúa.

Tướng thứ mười: Âm tướng của Thế Tôn ẩn kín như rỗng, ngựa, voi chúa.

Tướng thứ mười một: Mỗi lỗ chân lông đều có một sợi lông, tất cả đều mềm mại màu tía xanh và xoay tròn về bên phải.

Tướng thứ mười hai: lông tóc đều rất đẹp, màu tía xanh, xoay theo chiều bên phải, trang nghiêm trên lớp da màu vàng ròng.

Tướng thứ mười ba: Da mỏng, mịn, trơn láng, nước và bụi dơ không thể dính được.

Tướng thứ mười bốn: Da dễ màu vàng ròng, phát ánh sáng thanh tịnh, giống như đài vàng được báu vật trang nghiêm, người thấy đều sinh tâm ưa thích.

Tướng thứ mười lăm: Hai bàn chân, hai bàn tay, đỉnh đầu và hai vai đều đầy đặn.

Tướng thứ mười sáu: Vai và cổ đều tròn đầy rất đẹp lạ.

Tướng thứ mười bảy: Hai nách đầy đặn.

Tướng thứ mười tám: Dung nghi đỉnh đạc.

Tướng thứ mười chín: Thân tướng đoan nghiêm.

Tướng thứ hai mươi: Hình dáng cao, ngang cân đối, tròn đầy không khuyết thiếu như nạc cù đà.

Tướng thứ hai mươi mốt: Ngực và nửa phần trên của thân nở nang, oai vệ như sư tử chúa.

Tướng thứ hai mươi hai: Hào quang ở đầu lúc bình thường phóng xa hãm (tám thước).

Tướng thứ hai mươi ba: bốn mươi cái răng của Thế Tôn rất đều nhau, trong sạch, khít gốc sâu và trắng như ngọc.

Tướng thứ hai mươi bốn: bốn răng cửa rất trắng và sắc.

Tướng thứ hai mươi lăm: Trong miệng Thế Tôn thường tiết ra mùi vị thượng diệu, thực khí quản thẳng, vì thế có thể dẫn vị đến khắp các mạch chi tiết trong toàn thân, những vị thượng diệu này không bị những bệnh nóng lạnh gió làm cho tạp loạn, do không tạp loạn nên mạch lìa xa được các tướng không tốt như phù, trầm, diêm (kéo dài), súc (ngấn), tổn hoại và đứt quãng; khi nuốt thì nước miếng lưu thông, cho nên thân tâm thư thái thường được thượng vị.

Tướng thứ hai mươi sáu: Lưỡi dài có thể che kín cả mặt, trùm đến tai và trán.

Tướng thứ hai mươi bảy: Âm vận hòa nhã, các loài đều nghe được, âm thanh; nếu Thế Tôn phát lớn thì chấn động như tiếng trống trời, khi nói ôn hòa thì như tiếng chim Ca-lăng-tần-già.

Tướng thứ hai mươi tám: Hai mắt như mắt của trâu chúa. Hai màu cám, thanh tề chỉnh không xen lộn.

Tướng thứ hai mươi chín: Trong hai mắt thì màu xanh tía và màu trắng đẹp được một vòng màu hồng phân cách rất rõ ràng, đẹp lạ (lòng đen, lòng trắng phân minh)

Tướng thứ ba mươi: Mặt như trăng rằm, hai hàng lông mày sáng đẹp, cong như cây cung của trời Đế Thích.

Tướng thứ ba mươi mốt: Giữa hai chân mày có lông trắng xoáy tròn theo chiều bên phải, mịn như Đâu-la-miên, trắng hơn ngọc.

Tướng thứ ba mươi hai: Đảnh đầu có Ô-sắt-ni-sa nhô cao, tròn đầy, giống như Thiên cái.

Này Thiện Hiện! Đó là ba mươi hai tướng của bậc Đại sĩ, Thiện Hiện lại bạch rằng: “Thế nào là tám mươi vẻ đẹp của Như Lai Chánh

Đẳng Giác?”

Thế Tôn đáp: “Này Thiện Hiện! Móng tay Như Lai thon mỏng, sáng bóng sạch, tươi nhuận, màu sắc hồng như hoa, đó là tướng thứ nhất.

Các ngón tay ngón chân đều thon, dài, thẳng, và mềm mại, các đốt xương không lộ ra, đây là tướng thứ hai.

Tay chân Thế Tôn đều cân xứng nhau, khi khép lại giữa các ngón đều không có khe hở, là tướng thứ ba.

Tay chân tròn đầy như ý, màu sắc tươi nhuận, như hoa sen là tướng thứ tư.

Gân, mạch chắc chắn, ẩn sâu dưới da là tướng thứ năm.

Hai mắt cá chân không lộ ra ngoài là tướng thứ sáu.

Đi thẳng về phía trước, an tường như voi chúa, là tướng thứ bảy.

Khi đi, oai dung tề chỉnh, hùng dũng như sư tử chúa là tướng thứ tám.

Bước đi đều đặn, khoan thai như ngưu vương là tướng thứ chín.

Bước đi và dừng trụ thật nhẹ nhàng uyển chuyển như ngỗng chúa là tướng thứ mười.

Khi quay nhìn phía sau, thì toàn thân đều xoay theo chiều bên phải, như loài long tượng vương là tướng thứ mười một.

Các ngón tay, ngón chân đều tròn đầy, đẹp đẽ, rất khéo sắp xếp, là tướng thứ mười hai.

Các đốt xương giao kết nhau không có khe hở như rồng cuộn, là tướng thứ mười ba.

Đầu gối tròn đầy, đẹp, khéo sắp xếp, chắc chắn là tướng thứ mười bốn.

Chỗ ẩn kín, có đường vân rất đẹp, đầy đủ oai thế và thanh tịnh, là tướng thứ mười lăm.

Thân hình tươi nhuận, mềm mại, bóng sạch, bụi nhơ không thể bám được, là tướng thứ mười sáu.

Dung nghi nghiêm chỉnh, thường không bao giờ sợ sệt, yếu đuối, là tướng thứ mười bảy.

Thân thể tráng kiện, đầy sinh lực, khéo kết cấu nhau, là tướng thứ mười tám.

Thân thể an định, vững chắc, chưa từng dao động, viên mãn, bất hoại, là tướng thứ mười chín.

Thân tướng tròn đầy, đoan nghiêm, sáng sạch, không có khuyết điểm, giống như tiên vương là tướng thứ hai mươi.

Thân thể có hào quang, khi đi đứng, thường tự chiếu sáng, là tướng thứ hai mươi mốt.

Bụng vững rắn, không mềm nhão, có đầy đủ các tướng trang nghiêm, là tướng thứ hai mươi hai.

Rún sâu có xoáy về phía phải, tròn đẹp sạch sẽ, là tướng thứ hai mươi ba.

Cuốn rún đầy, không lồi không lõm, tròn trịa rất đẹp, là tướng thứ hai mươi bốn.

Da dẻ mịn, không có ghẻ lác, là tướng thứ hai mươi lăm.

Bàn tay đầy đặn, mềm mại, bàn chân bằng phẳng, là tướng thứ hai mươi sáu.

Chỉ tay sâu rõ ràng, dài và thẳng không gãy đoạn, là tướng thứ hai mươi bảy.

Môi đỏ thắm, mềm và bóng như trái tần bà, trên dưới cân xứng, là tướng thứ hai mươi tám.

Miệng không lớn, không nhỏ, không rộng không hẹp, rất đoan nghiêm, như ý là tướng thứ hai mươi chín.

Lưỡi mỏng, mềm mại, dài rộng, màu sắc hồng tươi nhuận, là tướng thứ ba mươi.

Âm thanh oai chấn vang xa, như tiếng rống rõ ràng, trong sáng của tượng vương, là tướng thứ ba mươi mốt.

Âm vận rất hay, như tiếng vang nơi hang sâu, là tướng thứ ba mươi hai.

Mũi cao thẳng, lỗ mũi rất kín, là tướng thứ ba mươi ba.

Răng đều đặn và trắng bóng, là tướng thứ ba mươi bốn.

Răng cửa tròn, trắng và sắc, là tướng thứ ba mươi lăm.

Màu mắt đen trắng rõ ràng, là tướng thứ ba mươi sáu.

Mắt dài rộng, như cánh hoa sen xanh, là tướng thứ ba mươi bảy.

Lông mi trên dưới bằng nhau, dày kín và không trắng (?), là tướng thứ ba mươi tám.

Hai chặn mày dài, cong không gãy và nhuyễn mịn, là tướng thứ ba mươi chín.

Hai mày kỳ tú đều đặn, màu như lưu ly là tướng thứ bốn mươi.

Hai mày mọc cách xa mắt, thanh tú, cong như trăng lưỡi liềm, là tướng thứ bốn mươi mốt.

Hai tai dày rộng, trái tai dài thòng xuống phía dưới, là tướng thứ bốn mươi hai.

Hai tai rất đẹp cân đối, không bị những khuyết tật là tướng thứ

bốn mươi ba.

Dung nghi của Thế Tôn, khiến cho người thấy không còn bị tổn hoại, nhiễm ô, sinh lòng ái kính là tướng thứ bốn mươi bốn.

Trán rộng, bằng phẳng như ý, rất đẹp lạ, là tướng thứ bốn mươi lăm.

Thân hình trên dưới viên mãn cân xứng, như sư tử chúa, oai nghiêm không ai sánh bằng, là tướng thứ bốn mươi sáu.

Tóc dài, dày, xanh tía và không bạc, là tướng thứ bốn mươi bảy.

Tóc sạch thơm, nhỏ, mịn, mềm mại và đều xoay về bên phải, là tướng thứ bốn mươi tám.

Tóc không rối, luôn ngay thẳng, là tướng thứ bốn mươi chín.

Tóc bền chắc, không đứt rụng, là tướng thứ năm mươi.

Tóc sạch sẽ, trơn bóng, bụi không bám được, là tướng thứ năm mươi một.

Thân thể rắn chắc, viên mãn như thân của na la diên, là tướng thứ năm mươi hai.

Thân hình cao lớn, đoan chính là tướng thứ năm mươi ba.

Cửu khiếu tròn đẹp và thanh tịnh là tướng thứ năm mươi bốn.

Thân thể và sức lực không ai sánh bằng là tướng thứ năm mươi lăm.

Thân tướng của Thế Tôn thù thắng, mọi người đều thích chiêm ngưỡng không bao giờ chán, là tướng thứ năm mươi sáu.

Mặt đẹp trong sáng thanh tịnh như trăng tròn mùa thu là tướng thứ năm mươi bảy.

Dung nghi thư thái, tướng mạo thanh khiết, thường mỉm cười trước khi nói, chỉ thuận theo mà không trái nghịch, là tướng thứ năm mươi tám.

Diện mạo tươi sáng, vui hòa, không có những lỗi như nhăn nhó, kém vui, hoặc tái xanh hay đỏ là tướng thứ năm mươi chín.

Thân thể luôn sạch sẽ, không bao giờ có cấu ghét, mùi hôi, là tướng thứ sáu mươi.

Lỗ chân lông thường phát ra mùi hương vi diệu, là tướng thứ sáu mươi một.

Miệng thường tỏa hương thơm thanh khiết, là tướng thứ sáu mươi hai.

Đầu tròn đẹp giống như Vị-đạt-na và Thiên cái, viên mãn là tướng thứ sáu mươi ba.

Lông trên thân màu xanh tía, sáng đẹp như lông khổng tước vương,

là tướng thứ sáu mươi bốn.

Pháp âm tùy chúng mà có lớn nhỏ, không tăng không giảm, đúng lý mà không sai, là tướng thứ sáu mươi lăm.

Đánh tướng không ai thấy được là tướng thứ sáu mươi sáu.

Ngón tay ngón chân, các lần chỉ đều rõ ràng xinh đẹp là tướng thứ sáu mươi bảy.

Khi đi thì bàn chân đỡ cách mặt đất bốn ngón tay và có in các đường vân trên dấu chân, là tướng thứ sáu mươi tám.

Thế Tôn tự giữ gìn, không cần người khác bảo vệ, thân không lắc lư, cũng không nghiêng lệch là tướng thứ sáu mươi chín.

Oai đức bao trùm muôn vật, những kẻ ác tâm thấy thì sinh vui mừng, người sợ hãi thấy thì được an ổn, là tướng thứ bảy mươi.

Âm thanh không cao không thấp, tùy thuận tâm ý chúng sinh mà vui vẻ luận nói, là tướng thứ bảy mươi một.

Có thể tùy thuận ngôn ngữ âm thanh của hữu tình mà thuyết pháp là tướng thứ bảy mươi hai.

Một âm thanh diễn thuyết chánh pháp, tùy loại chúng sinh, tất cả đều tin hiểu, là tướng thứ bảy mươi ba.

Thuyết pháp đều theo thứ tự và có nhân duyên, là tướng thứ bảy mươi bốn.

Thế Tôn bình đẳng xem xét các loại hữu tình, khen điều thiện, chê điều ác mà tâm không sinh yêu ghét là tướng thứ bảy mươi lăm.

Trước khi làm việc gì thì trước đều quan sát kỹ, theo đúng phép tắc khiến cho việc làm được khéo léo thanh tịnh, là tướng thứ bảy mươi sáu.

Tướng tốt và đẹp đẽ của Thế Tôn, loài hữu tình không thể thấy hết là tướng thứ bảy mươi bảy.

Xương đầu viên mãn, bền chắc là tướng thứ bảy mươi tám.

Thường trẻ không già, là tướng thứ bảy mươi chín.

Tay, chân, ngực đều có đức tướng cát trường hỷ, xoay theo chiều bên phải (chữ vạn) là tướng thứ tám mươi.

Thiện Hiện! Đó là tám mươi vẻ đẹp phụ. Nay Thiện Hiện! Như Lai Chánh Đẳng Giác thành tựu các tướng như thế, cho nên ánh sáng của toàn thân, tùy thuận chiếu soi cùng khắp tam thiên, đại thiên thế giới nếu khi có tác ý thì chiếu thấu suốt vô lượng, vô biên thế giới. Nhưng vì thương xót loài hữu tình, cho nên thu nhiếp lại, chỉ còn phát ra chung quanh một tầm mà thôi. Nếu Như Lai phóng ánh sáng toàn thân thì các ánh sáng của mặt trời, mặt trăng..., không thể hiện được, các loài

hữu tình không biết được ngày đêm, nửa tháng, một tháng, mùa, năm, các công việc sẽ không thành tựu, âm thanh của Phật nhậm vận vang khắp tam thiên đại thiên thế giới. Khi tác ý thì cùng tận vô lượng, vô số, vô biên thế giới đều nghe biết, nhưng vì muốn làm lợi ích cho loài hữu tình, cho nên tùy theo chúng hội mà không giảm không tăng. Nay Thiện Hiện! Công đức lợi ích thù thắng như thế, ta đã thành tựu được từ khi còn là Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, cho nên hôm nay được tướng hảo trang nghiêm viên mãn, khiến cho tất cả hữu tình thấy được, đều hoan hỷ đạt được lợi ích thù thắng, an lạc như thế. Nay Thiện Hiện! Khi Bồ-tát Ma-ha-tát đạt được sâu xa Bát-nhã ba-la-mật-đa, thì có thể dùng tài bảo và Pháp bảo bố thí nhiếp phục các loài hữu tình, đó là pháp kỳ lạ hy hữu. Ba mươi hai tướng là do thực hành năm việc: Phát tâm, lâu dài, không gián đoạn, cầu khổ tinh tấn, chuyên nhất không tạp mà cảm nên, như luận Du-già ba mươi bảy đã nói; cho nên mỗi một tướng có năm trăm ức tia sáng; tám mươi vẻ đẹp phụ là do hành tám mươi bốn ngàn hạnh, ngăn chặn tám mươi bốn ngàn gốc bệnh mà chiêu cảm, cho nên mỗi một vẻ đẹp phụ phóng ra tám mươi bốn ngàn vầng mây ánh sáng. Mây biểu thị nghĩa xuất sinh che phủ, ba trăm năm mươi pháp đều hành sáu độ, tổng cộng là hai ngàn một trăm pháp, trừ tham sân si và đẳng phân, do đó lại thành tám ngàn bốn trăm hạnh, mỗi mỗi lại trừ đi những lỗi do bốn đại, sáu trần sinh ra, cho nên tổng hợp thành tám vạn bốn ngàn pháp.

Chánh văn: Cùng với các vị trời mỗi mỗi đều ngồi trên tòa sen, ngày đêm sáu thời, thường thuyết hạnh bất thoái chuyển địa pháp luân.

Tán: Thuyết pháp lợi ích: gồm có ba, đó là trình bày sở thuyết, luận về lợi ích, hiển bày thường nhiếp. Đoạn này thuộc về phần một.

Trình bày sở thuyết: mỗi mỗi đều ngồi trên tòa sen, biểu thị cho việc các Bồ-tát đều đã ra khỏi vũng bùn sinh tử. Ngày đêm sáu thời tức ngày ba thời, đêm ba thời biểu thị việc Phật ở trong sáu thời luôn hiện sáu thân thông, luôn thuyết hạnh sáu độ, cứu chúng sinh trong sáu đường, phá sáu tùy miên, vượt sáu trần.

Chánh văn: Trong mỗi một thời thành tựu cho năm trăm ức Thiên tử, khiến cho họ bất thoái chuyển nơi đạo A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.

Tán: Lợi ích: Thành tựu năm trăm ức thiên tử, nghĩa là khiến phát sinh năm căn, đầy đủ năm lực, viên mãn năm nhãn và vượt năm đường.

Chánh văn: Như thế ở cõi trời Đâu-suất-đà, ngày đêm sáu thời

thường thuyết pháp luân bất thoái chuyển độ các Thiên tử.

Tán: Thường nghiệp của Phật: Nơi kia thường sáng tỏ, không có tối tăm. Khi cảm thấy buồn ngủ thì gọi là đêm. Phật thì không như thế, nên thường độ các Thiên tử.

Chánh văn: *Trải qua năm mươi sáu ức vạn năm ở Diêm-phù-đề, lúc bấy giờ, Di-lặc hạ sinh xuống cõi này, như kinh Di-lặc Hạ Sinh đã nói.*

Tán: Thời gian hạ sinh: Tức là thọ mạng ở cõi trời kia.

Âm Phạm Thiêm bộ là tên một loài cây, nói Diêm-phù-đề là lắm lần. Châu này dùng tên của một loại cây làm tên gọi, nguyên nhân thành lập bốn châu, như những nơi khác đã nói. Ở nơi đây bốn trăm năm thì bằng một ngày một đêm ở cõi trời Đâu-suất, và có ba mươi ngày là một tháng, mười hai tháng là một năm. Chư thiên ở cõi trời Đâu-suất thọ bốn ngàn năm, Từ thị cũng phải hết số năm này mới hạ sinh, không yếu mạng, cho nên kinh này nói trải qua năm mươi sáu ức vạn năm ở cõi Diêm-phù-đề. Theo cách tính của luận Du-già quyển bốn, kinh Lập Thế, Tỳ-bà-sa... thì ở Diêm-phù-đề bốn trăm năm là một ngày đêm ở Đâu-suất, bốn ngàn năm là mười ngày, bốn mươi ngàn năm là một trăm ngày, vậy một năm ở cõi trời kia thì ở Diêm-phù-đề một trăm bốn mươi bốn ngàn năm, mười năm thì bằng một trăm bốn mươi bốn vạn năm, một năm thì bằng một trăm bốn mươi bốn ức năm, một ngàn năm thì bằng một ngàn bốn trăm bốn mươi ức năm, bốn ngàn năm thì bằng năm ngàn bảy trăm sáu mươi ức năm, như thế thì không giống với kinh văn. Nay theo lý mà suy luận, thì đầu tiên lấy bốn trăm năm ở nhân gian là một ngày đêm ở Đâu-suất, lại nếu lấy một trăm làm một thì tính ra sẽ tương đương. Vì một thành một trăm, cho nên nhân gian bốn mươi năm thì Đâu-suất mười ngày, bốn trăm năm thì bằng một trăm ngày, một ngàn bốn trăm bốn mươi năm thì bằng một năm, mười bốn ngàn bốn trăm năm thì bằng mười năm, một trăm bốn mươi bốn ngàn năm thì bằng một trăm năm, một ngàn bốn trăm bốn mươi ngàn năm thì bằng một ngàn năm. Vậy Đâu-suất bốn ngàn năm thì Diêm-phù-đề là năm ngàn bảy trăm sáu mươi ngàn năm. Cõi Tây phương có ba loại số ức, đó là mười vạn thành ức, một trăm vạn thành ức và một ngàn vạn thành ức. Dùng lý để loại suy, thì lấy một ngàn vạn làm ức để tính toán thì tương đương. Vì thế trong kinh trên chữ ức nên thêm số bảy, trước chữ sáu nên đặt chữ vạn, chỉ e rằng tụng Phạm bản có sai sót, cho nên dịch thành lắm lần. Nếu chẳng như thế thì thiếu một trăm năm mười ngàn năm, lý nhất định phải như thế, người trí nên biết rõ. Nhưng số năm này có bốn

bản văn nói khác nhau. Kinh Hiền Kiếp Định ý ghi là: “Di-lặc trải qua năm ức bảy mươi sáu vạn năm sau sẽ hạ sinh thành Phật.” Nói năm ức tức năm mươi ức, vì trước dùng một ngàn vạn làm một ức nên thành năm mươi ức, ở đây dùng một vạn vạn làm ức cho nên nói năm ức, bảy mươi vạn tức là bảy ức vì mười vạn là một ức, sáu vạn thì giống nhau, không cần phải giải thích, chỉ một kinh này tuy đã có vấn đề tăng giảm bất đồng nhưng lại đồng với luận, còn tất cả bản kia đều khác nhau, như kinh Nê hoàn hai quyển ghi: “Một ức bốn ngàn năm” hoàn toàn khác xa, kinh này và kinh Nhất Thiết Trí Quang Minh Tiên Nhân Từ Tâm đều nói là năm mươi sáu ức vạn năm, như trên đã đính chính. Kinh Bồ-tát Xử Thai và kinh Hiền Ngu đều nói rằng: “Năm mươi sáu ức bảy ngàn vạn năm.” Số sáu nên ghi là bảy, bảy nên ghi là sáu, ngàn vạn, nếu lấy một trăm vạn mà tính là một ức thì sáu ngàn vạn tức thành sáu mươi ức, nghĩa cũng không trái nhau. Như thế mà suy tìm, thì tuy trái với số xưa, nhưng theo văn nghiên cứu lý thì cũng không lầm lẫn. Bồ-tát trụ tại cõi trời, thọ lượng chưa từng yếu mệnh mà sinh xuống nhân gian, kinh Đại Thành Phật ghi rằng: “Khi con người thọ đến sáu vạn năm thì thọ mạng của Di-lặc ở cõi trời tận, bấy giờ tuổi thọ của nhân gian còn dài, nên ứng thời nghi mà hiện; khác với Đức Thích-ca, khi thọ mạng ở Đâu-suất tận, bấy giờ nhân gian tuổi thọ ngắn ngủi, chúng sinh nhàm chán, cho nên hóa duyên hết.” Kinh Xử Thai ghi: “Đức Di-lặc hạ sinh khi nhân gian thọ tám mươi bốn ngàn tuổi.” Nếu căn cứ theo đây, thì không thể hợp; như kinh Hạ Sinh luận về việc hạ sinh làm Phật, lúc bấy giờ, việc lợi lạc của chư Thiên đã hết căn cơ con người đã thành thực cho nên mới hạ sinh.

Chánh văn: *Phật bảo Ưu-ba-ly rằng: “Đó là nhân duyên vị Bồ-tát tên là Di-lặc, mệnh chung ở cõi Diêm-phù-đề, sinh về cõi trời Đâu-suất.*

Tán: Tổng kết: Nhân duyên tức là nguyên do của các tướng trạng, vì lợi ích cho nên cuối cùng nói việc thượng sinh. Vì đều có nguyên do nên gọi nhân duyên.

Chánh văn: *Sau khi Phật diệt độ, trong hàng đệ tử của ta, nếu có người tinh cần tu các công đức, đầy đủ oai nghi, quét tháp, đắp đường, dùng các loại danh hương cúng dường, hành các Tam-muội, thâm nhập chánh thọ đọc tụng kinh điển.*

Tán:

Khuyến sinh về sau khi Phật diệt độ: gồm có ba.

1. Khuyến thực hành hạnh sinh về.

2. Đại chúng phát nguyện mong cầu.
3. Tổng kết lập chánh quán.
 - Khuyến sinh về cõi kia: gồm có năm.
1. Đệ tử tu sáu pháp để vãng sinh.
2. Bát bộ nghe danh hiệu, ưa thích vãng sinh.
3. Hai chúng phạm giới, sám hối thanh tịnh được vãng sinh.
4. Quy y không lui sụt, sẽ được độ thoát.
5. Bốn chúng đệ tử phát nguyện vãng sinh tu mười thiện, niệm danh hiệu, cung kính, thì diệt được bao nhiêu tội lỗi?
 - Tuy có năm đoạn, nhưng tổng quát làm ba, đó là:
 - Ba đoạn đầu tiên, luận về ba phẩm vãng sinh, đoạn kế tiếp luận về quy y, tổng khuyên quy y vãng sinh đạt được lợi ích. Đoạn cuối cùng nói về những người quy y vãng sinh diệt được bao nhiêu tội lỗi.
 - Ba đoạn đầu tiên: gồm có ba là hạnh Vãng sinh thượng phẩm, hạnh Vãng sinh trung phẩm, hạnh Vãng sinh hạ phẩm.
 - Hạnh vãng sinh thượng phẩm: gồm có sáu:
 1. Nêu sáu pháp.
 2. Chỉ dạy hồi hướng phát nguyện.
 3. Luận về chánh vãng sinh.
 4. Chư Thiên tán thán.
 5. Sinh cõi kia được lợi ích.
 6. Tổng kết.
 - Chánh văn này thuộc phần một.
 - Nêu sáu pháp: Đó là:
 1. Tinh cần tu phước, cung kính báo ân, trong mảnh ruộng từ bi tạo các sự nghiệp.
 2. Đầy đủ oai nghi, giữ gìn giới cấm, hành sự nên giữ đúng khuôn phép.
 3. Quét tháp, đắp đường, trang nghiêm đạo tràng, tu sửa chùa viên.
 4. Cúng dường hương hoa, ban cấp bốn sự.
 5. Phạm phu thực hành các Tam-muội, văn, tư, tu.
 - Thánh nhân thì nhập chánh thọ, tùy thiên định chứng đắc hoặc là Tam-muội của phạm phu mà chẳng phải là lục hạnh định, vì đạt được lục hạnh định ắt sinh lên hai cõi trời trên, cho nên trụ sâu trong văn tư cũng gọi là Tam-muội.
 - 6. Tụng đọc kinh điển, diễn thuyết, tu tập mười hành pháp.
 - Vả lại nêu lên những hạnh thù thắng và dễ hành, thì chỉ có sáu

việc trên là thượng thủ. Trong đó mỗi một việc đều bao trùm tất cả các việc khác. Nếu tu năm hoặc sáu việc thì được Thượng thượng phẩm vãng sinh, nếu tu ba hoặc bốn việc thì được Thượng trung vãng sinh, nếu tu một việc thì được Thượng hạ phẩm vãng sinh.

Chánh văn: *Những người này cần phải chí tâm tu tập, tuy chưa đoạn hoặc nhưng cũng như người đã được sáu thông.*

Tán: Dạy hồi hướng phát nguyện: văn có ba ý, đó là:

Tán tán nghiệp thù thắng: Tuy phạm phu chưa đoạn hoặc, khác bậc Thánh, nhưng nếu tu sáu việc này, thì thân dụng rộng lớn, nhất định được vãng sinh, giống như bậc Thánh đạt sáu thông không khác.

Chánh văn: *Nên chí tâm nhớ nghĩ hình tượng và xưng niệm danh hiệu Phật Di-lặc.*

Tán: Xưng niệm: Tuy tu hành, nhưng vẫn phải chánh niệm, tâm tưởng hình Phật, miệng xưng niệm danh hiệu Phật.

Chánh văn: *Các người như thế, nếu trong một niệm thọ tám giới trai, tu các tịnh nghiệp, phát hoằng thệ nguyện.*

Tán: Phát nguyện: Như trên đã nói những người hành sáu việc rất ít, nhưng có thể trong một niệm chí tâm không phạm, giữ tám giới trai, tùy thuận tu tịnh nghiệp, phát nguyện giúp sức hồi hướng, thì nhất định được vãng sinh. Nói một niệm, tức chẳng phải ở những thời gian khác thì phạm. Chỉ một niệm trì giới, vì đầu tiên chỉ phát nguyện một niệm trì giới mà như thế, hà huống là phát nguyện lâu dài hơn?

Chánh văn: *Sau khi mệnh chung, nhanh chóng ví như một tráng sĩ co duỗi tay, liền sinh về cõi trời Đâu-suất, ngồi kiết già trên tòa hoa sen.*

Tán: Chánh vãng sinh, có hai:

1. Thời gian vãng sinh: Giống như thời gian tráng sĩ co duỗi tay, biểu thị ý nghĩa nhất định trong chớp mắt sẽ vãng sinh.

2. Nơi sinh: Ngồi kiết già trên tòa hoa sen, biểu thị ý nghĩa ra khỏi sinh tử, đoạn trừ phiền não, tức đã sinh về cõi trời kia, và trụ ở phạm hạnh cho nên nói là kiết già trên tòa sen.

Chánh văn: *Trăm ngàn Thiên tử trỗi các loại kỹ nhạc và cầm hoa Mạn-đà-la, hoa Ma-ha mạn-đà-la mà tung lên trên thân người ấy.*

Tán: Chư Thiên tán tán có ba.

Tung hoa: hoa Ma-ha mạn-đà-la, Hán dịch là Thích ý hoa.

Chánh văn: *Và tán tán rằng: Lành thay! Lành thay! Thiện nam! Khi ông ở Diêm-phù-đề đã tu tập đầy đủ các phước thiện nên được sinh về cõi này.*

Tán: Tán thán: Vì khen tặng một việc rất tốt đẹp nên lập lại “lành thay.” Do tu tập nhân rộng lớn cho nên đạt được quả thù thắng.

Chánh văn: *Cõi này tên là Đâu-suất-đà. Thiên chủ hiện nay là Đức Di-lặc, ông nên quy y ngài.*

Tán: Khuyên quy y: Quốc độ tên là Tri túc, do đó không đấm sinh tử. Thiên chủ hiệu là Từ Tôn, cho nên thường rủ lòng thương xót những kẻ bị khổ nạn.

Chánh văn: *Nghe xong liền lễ bái, lễ xong lại chuyên tâm quán sát tướng ánh sáng của lông trắng giữa hai chận mày. Liền được diệt tội sinh tử trong chín mươi ức kiếp.*

Tán: Vãng sinh được lợi ích: có hai:

Diệt tội: kiếp tội vô gián: Một tăng một giảm, còn những kiếp tội khác dùng năm mà tính (vì chưa bằng kiếp). Chúng sinh thời mạt pháp, phần nhiều thực hành những pháp thô lậu mà còn vượt qua các đường ác, cầu sinh Tịnh độ, vận mạng chưa hết mà được sinh vào thượng phẩm, hưởng hồ linh cảnh chỉ tại hào quang, chuyên tâm quán sát mà chẳng vượt thoát sinh tử sao?

Chánh văn: *Lúc bấy giờ, Bồ-tát tùy thuận căn duyên khi xưa của người ấy mà thuyết diệu pháp, khiến cho họ được bất thoái chuyển nơi đạo Vô thượng.*

Tán: Đạt tùy thuận thuyết nhân duyên đời trước, khiến người ấy nhớ lại hành nghiệp trước kia, mà biết rõ quả, tự thành tựu bất thoái chuyển. Xưa nói bất thoái, tức là kiên cố, tùy theo vị thứ mà thành tựu phát tâm.

Chánh văn: *Các chúng sinh như thế, nếu thanh tịnh các nghiệp, hành sáu pháp thì không nghi ngờ gì, nhất định sẽ sinh vào cõi Đâu-suất, gặp Di-lặc.*

Tán: Tổng kết: Gồm có bốn:

Được sinh: Ba nghiệp thanh tịnh, sáu việc đồng tu, sau sinh về Đâu-suất, việc này đâu còn nghi ngờ gì, tức là tùy thuận tu tập sáu pháp, được ít thanh tịnh ba nghiệp, tâm mong cầu được bất thoái, sau nhất định sẽ sinh về cõi kia.

Chánh văn: *Rồi cũng theo ngài Di-lặc hạ sinh xuống Diêm-phù-đề nghe pháp ở hội thứ nhất.*

Tán: Tùy hạ sinh: Đạo cha con còn có sự cảm ứng tự nhiên, như hổ gầm thì sinh gió, hưởng hồ gì việc này thì đâu có nghi hoặc gì. Sáu pháp đã tu ba nghiệp đã thanh tịnh, thượng phẩm vãng sinh theo hội thứ nhất mà nghe pháp.

Chánh văn: Vào đời vị lai, gặp tất cả chư Phật ở thời hiền kiếp.

Tán: Gặp chư Phật ở hiền kiếp: Thiện nghiệp đã đầy đủ thì chánh kiến luôn luôn hiện sinh; đã đầy đủ tư lương phước trí thì ắt gặp một ngàn Phật ở hiền kiếp.

Chánh văn: Và cũng gặp được chư Phật Thế Tôn ở vị lai tinh tú kiếp, ở trước chư Phật mà nhận lãnh lời thọ ký Bồ-đề.

Tán: Gặp chư Phật ở tinh tú kiếp theo thuyết của Tiểu thừa, thì kiếp thứ nhất gặp bảy mươi lăm ngàn vị Phật, kiếp thứ hai gặp bảy mươi sáu ngàn, kiếp thứ ba gặp bảy mươi bảy ngàn Đức Phật. Căn cứ theo kinh Niết-bàn sáu thì hành bốn y: Một là trước mười Địa gặp năm hằng hà sa Phật; hai là sáu Địa trước gặp sáu hằng hà sa Phật; ba là Địa thứ bảy, tám, chín gặp bảy hằng hà sa Phật; bốn là Địa thứ mười gặp tám hằng hà sa Phật. Bồ-tát Sơ địa gặp một trăm trăm ức Đức Phật. Bồ-tát Địa thứ hai gặp ngàn trăm ức cho đến Bồ-tát Địa thứ mười gặp vô lượng, vô biên Đức Phật. Cho nên người được sinh về cõi trời kia, do được thấy Phật Di-lặc mà gặp được một ngàn vị Phật ở tinh tú kiếp, việc này đâu còn nghi ngờ gì. Thọ ký Bồ-đề, câu này ý thông câu trên tức chư Phật Hiền kiếp cũng thọ ký. Thọ ký có sáu, như kinh Bồ-tát Địa đã ghi.

Chánh văn: Phật bảo Ưu-ba-ly rằng: “Sau khi Phật diệt độ, trong đại chúng Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, Trời, Rồng Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-na, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, nếu có người nghe được danh hiệu của Đại Bồ-tát Di-lặc, sinh tâm hoan hỷ cung kính lễ bái, người này sau khi mệnh chung trong khoảng khảy móng tay sẽ vãng sinh về cõi Đâu-suất, như đã nói trước.

Tán: Hành hạnh Trung phẩm vãng sinh (tức là Bát bộ nghe danh ưa thích vãng sinh). Gồm có hai, đó là cung kính hoan hỷ phát nguyện vãng sinh không nguyện vãng sinh, nghe danh hiệu cũng được lợi ích.

Đoạn chánh văn này thuộc phần một:

Cung kính hoan hỷ: Bốn chúng và tám bộ, đầu tiên là hàng không phạm giới, không tạo việc ác, nếu người phạm khinh tội, nghe danh hiệu rồi thì tâm sinh hoan hỷ, miệng nói lời cung kính, thân lễ bái; do tu nhân có hơn kém mà quả khác nhau, nhưng đều được chư Thiên tán ngưỡng, tội lỗi tiêu trừ, đạt được bất thoái chuyển, gặp được Phật, không khác gì những người đã nói ở trước. Đầy đủ ba nghiệp thanh tịnh thì Trung thượng phẩm sinh, chỉ hai nghiệp thì Trung trung phẩm sinh, nếu chỉ một nghiệp thanh tịnh thì Trung hạ phẩm sinh.

Chánh văn: Chỉ nghe danh hiệu Di-lặc, thì khi mạng chung cũng không bị nơi vào nơi tối tăm, biên địa tà kiến và các ác, luật nghi.

Tán: Không nguyện vãng sinh nghe danh hiệu cũng được lợi ích: có hai là không ác và có thiện.

Không có ác: Gồm bốn.

1. Chẳng đọa nơi tối tăm: Nếu xứ tối tăm mà gọi là tối tăm thì đó là địa ngục và chỗ trung gian của hai cõi, nếu quả xứ tối tăm thì đó là ba ác thú và chỗ trung gian của hai cõi, là nơi không có Phật pháp.

2. Không đọa biên địa: Từ “không đọa” thông luôn cả ba câu sau. Nếu biên địa gọi là biên thì đó là chỗ biên thù xa vùng đất lành. Nếu hành biên địa mà gọi là biên địa, thì đó gồm cả xứ biên và Miệt-lê-xa-đạt-như (hành ác)... Ý trước là chẳng đọa ba đường, ý sau là chẳng đọa tám nạn.

3. Chẳng đọa tà kiến: nếu chỉ riêng tà kiến thì chỉ đoạn thiện căn, như bất chánh gọi là tà kiến, ác kiến.

4. Chẳng đọa các ác luật nghi: Ác tức chẳng thiện, luật tức là phép tắc, nghi tức là cách thức, tức Bất luật nghi. Đối pháp thứ tám, nêu lên mười bốn hoặc mười lăm loại Bất luật nghi đó là giết dê, nuôi gà, nuôi heo, bắt chim, bắt cá, săn nai, bẫy thỏ, trộm cướp, làm nem, giết trâu bò, bắt voi, lập đàn, chú rồng, giữ ngục, dèm xiểm thích làm tổn hại người. Kinh Niết-bàn nêu lên mười sáu loại đó là nuôi dê, nuôi heo, nuôi bò, gà để làm lợi, lớn mập liền bán đó là bốn loại, vì ham lợi nên mua các loại vật này về làm thịt, là bốn loại nữa cùng với bắt cá, bẫy chim, săn bắn, trộm cắp, làm nem, lường thiệt, cai ngục, chú rồng là tám loại, tổng cộng thành mười sáu. Luận Du-già quyển chín chỉ nêu mười hai loại, thêm một đối pháp mà thiếu ba của đối pháp, luận tạp tâm nêu lên mười hai loại là mổ dê, nuôi heo, nuôi gà, bẫy chim, bắt cá, đi săn, làm giặc, làm nem, giữ ngục, chú rồng, bán thịt, cai ngục. Bốn bản văn đều khác nhau, kinh Niết-bàn gồm ba loại bắt nai, bẫy thỏ, bắt voi vào loài đi săn, đối pháp căn cứ nhiều loài mà kể ba. Niết-bàn gom chung các loài bắt và săn bắn. Đối pháp nêu loại “Thích tổn hoại kẻ khác”, Niết-bàn thì không ghi. Vì đối pháp nêu rộng hơn, tám loài đầu Niết-bàn phân chia khác nhau từ bốn loài. Đối pháp nêu bốn loài này đã đầy đủ các loài sinh vật. Cho nên đối pháp nêu dèm xiểm tức là tên khác của lường thiệt, vì thế Tạp Tâm Luận Tiểu thừa cho là tội trọng, tức phi luật nghi, còn những loại khác là nhẹ. Ác luật nghi này gom nhiếp tất cả những phạm giới và ác hạnh. Như thế tà kiến, ác luật nghi thì nơi có Phật không Phật, ở trung thổ hay biên địa đều có, nếu nghe được danh hiệu Đức Phật Di-lặc thì nhất định không bị đọa. Tam nghiệp đều quy y, tâm hoan hỷ, bốn đẳng, nguyện xưa càng thêm oai lực.

Chánh văn: *Luôn sinh chánh kiến, quyến thuộc được thành tựu, không hủy báng Tam bảo.*

Tán: Sinh thiện: Có ba là luôn sinh chánh kiến đối lại với tà kiến đã nêu.

Quyến thuộc thành tựu đối lại với không làm các ác luật nghi.

Ác luật luật nghi tức là ác quyến thuộc.

Chẳng hủy báng Tam bảo, đối lại với chẳng đọa vào chỗ tối tăm đã nói, chẳng sinh biên địa, luôn gặp Tam bảo, luôn khởi lòng tin; cho nên không chỉ ở trong phẩm không có bốn ác, có ba thiện mà thượng hạ phẩm sinh tùy ứng cũng có ba thiện như thế. Muốn nói về nghe danh mà tám Bộ thay dị hình, bốn loại được thân đẹp, nên chỉ ở Trung phẩm sinh bàn luận.

Chánh văn: *Phật dạy Ưu-bà-ly rằng: Nếu có thiện nam, thiện nữ nào phạm giới cấm tạo các ác nghiệp, mà nghe danh hiệu của bậc Đại Bi Bồ-tát này, rồi toàn thân hành lễ, chí thành sám hối thì ác nghiệp sẽ được thanh tịnh.*

Tán: Hành hạ phẩm sinh (phạm giới sám hối thanh tịnh được vãng sinh) gồm có ba đó là sám hối tội diệt, tu hành vãng sinh, thấy Phật được bất thoái chuyển, vị lai gặp Phật.

Sám hối tội diệt tu hành vãng sinh có ba:

Tội diệt có hai ý:

1. Trước thọ giới cấm sau lại phạm giới.
2. Trước không thọ giới cấm, tạo ác nghiệp.

Hai loại người này nghe danh hiệu Đức Di-lặc, rồi lễ bái hai tay, hai chân và đầu sát đất, chí thành sám hối thì tội chóng thanh tịnh.

Chánh văn: *Chúng sinh ở thời vị lai nghe danh hiệu của bậc Đại bi Bồ-tát này, rồi tạo lập hình tượng, cúng dường hương hoa, y phục, bảo cái, tràng phan, lễ bái, tụng niệm nhớ nghĩ.*

Tán: Tu hành dẫn cho không tạo tội, không sám hối và nguyện sinh, nhưng tu mười hạnh, nhất định cũng được vãng sinh về cõi trời kia. Mười hạnh là nghe danh, tạo hình tượng, cúng dường hương hoa, y phục, bảo cái, tràng phan, lễ bái, tâm chuyên nhớ nghĩ, miệng chuyên đọc tụng.

Chánh văn: *Người này khi sắp mệnh chung, Bồ-tát Di-lặc sẽ từ nơi tướng lông trắng giữa hai chặn mày mà phóng ánh sáng, cùng với các Thiên tử rải hoa Mạn-đà-la đến nghênh tiếp, trong khoảng khắc người này sẽ được vãng sinh.*

Tán:

Vãng sinh: Nếu phạm giới tạo tội, sám hối được thanh tịnh, nghe danh hiệu tu hành, thì khi sắp mệnh chung, Bồ-tát phóng hào quang vi diệu từ lòng tạng chiếu soi để tiêu diệt tội hắc ám, mưa hoa lạ có màu sắc rực rỡ để trưởng dưỡng giống đạo; Phật và chư Thiên đến nghinh tiếp là biểu thị cho lòng từ sâu xa, trong khoảng khắc vãng sinh, biểu thị cho nghiệp thù thắng. Trong đoạn này có ba ý: Sám hối tạo tượng, cúng dường lễ bái và chuyên nhớ nghĩ thì được hạ phẩm thượng sinh. Sám hối tạo tượng, cúng dường lễ bái mà không chuyên tâm nhớ nghĩ thì được hạ phẩm trung sinh. Chỉ sám hối tạo tượng cúng dường mà không hằng lễ bái và nhớ nghĩ thì chỉ được hạ phẩm hạ sinh. Tuy đã sám hối, tội được tiêu trừ, nhưng không tạo hình tượng cúng dường lễ bái hoặc chỉ chuyên tâm nhớ nghĩ, hoặc chỉ một lần xưng niệm danh hiệu thì cũng được hạ phẩm sinh. Dầu cho không được sinh vào trong ba hội thuyết pháp, nhưng cũng được độ thoát.

Chánh văn: *Gặp được Bồ-tát Di-lặc liền cúi đầu đánh lễ, trong khoảng khắc được nghe pháp yếu, mà đạt tâm bất thoái chuyển nơi đạo Vô thượng.*

Tán: Thấy Phật được bất thoái, thiện căn đã thành thực từ lâu vừa thấy đánh lễ, lòng Từ bi tự khởi, liền được nghe pháp, trừ diệt tâm bất tín, mau chóng được bất thoái chuyển.

Chánh văn: *Ở đời vị lai gặp được hằng hà sa chư Phật Như Lai.*

Tán: Vị lai gặp được Phật: Trên đây đã nói về chín phẩm vãng sinh, cùng với nội chúng, tự thân thấy được Phật, chóng nghe pháp. Nếu sinh vào ngoại chúng, thì tuy sinh ở phẩm thứ chín, nhưng tùy thuận mai sau cũng thành tựu được tâm bất thoái, vì Phật hiệu là Đấng Từ Tôn, khéo tự trưởng dưỡng.

Chánh văn: *Phật bảo Ưu-ba-ly rằng: “Lóng nghe! Lóng nghe! Di-lặc Bồ-tát ở thời vị lai sẽ làm chỗ nương vững chắc cho chúng sinh, nếu có người quy y, thì khi Đức Di-lặc thành Đa-dà A-già-độ A-la Tam-miêu Tam-Phật-đà, người này thấy được ánh sáng của Phật mà liền được thọ ký.”*

Tán: Tổng luận về quy y; được bất thoái, sẽ độ thoát: có ba:

1. Quy y: Ta diệt độ, thì chúng sinh sẽ không gặp chân báo Phật, cho nên các đệ tử thời mật pháp đều ủy thác cho Từ Tôn cứu độ, nếu không thấy sẽ mất đi sự lợi ích, cho nên gọi là làm chỗ nương tựa vững chắc.

2. Người quy y được bất thoái.

3. Bồ-tát Di-lặc thành Phật, thấy hào quang được thọ ký. Di-lặc

thành bậc Thánh, thì trí tuệ sáng tỏ chiếu soi, hàng phàm phu do đó thấy được màu vàng ròng rực rỡ. A-đà A-già-độ tức Như Lai, A-la-ha tức Ứng, Tam-miêu Tam-Phật-đà tức Chánh biến tri.

Chánh văn: *Phật bảo Ưu-ba-ly: Sau khi Phật diệt độ, bốn chúng đệ tử và Thiên, Long, Quỷ thần nếu có ai muốn sinh về cõi trời Đâu-suất-đà thì nên quán xét, chuyên niệm, tư duy.*

Tán: Bốn chúng đệ tử:... . phát nguyện vãng sinh, tu mười thiện, thực hành niệm danh hiệu, cung kính... tội diệt bao nhiêu: gồm có hai phần:

1. Thích sinh về, nghiệp đã đầy đủ được sinh.
2. Không thích sinh về, hành nghiệp chưa đầy đủ.

Thích sinh... .có bốn:

1. Niệm danh.
2. Khuyến hành.
3. Giáo nguyện.
4. Diệt tội.

Đoạn chánh văn này thuộc phần một.

Khuyên niệm danh hiệu Di-lặc.

Chánh văn: *Nhớ nghĩ cõi trời Đâu-suất-đà, giữ giới cấm của Phật, từ một ngày đến bảy ngày tư duy về mười thiện, thực hành mười thiện đạo nghiệp.*

Tán: Khuyến hành: Chỉ luận trì giới, chẳng nói đến các việc khác. Nếu lên số thời gian ngắn nhất là một ngày cho đến bảy ngày, cũng được vãng sinh, huống gì nhiều năm nhiều đời tu hành. Vì tất cả thiện quy vào mười thiện, cho nên nói là tư duy. Hành thì căn cứ theo chỗ trọng cho nên gọi là mười thiện đạo.

Chánh văn: *Dùng công đức này hồi hướng nguyện sinh đến trước Phật Di-lặc, nên quán như thế.*

Tán: Giáo nguyện: Có hành mà không nguyện, thì tâm hành đơn độc, chưa hẳn được sinh đến chỗ của Đức Từ Thị. Có nguyện mà không hành thì chỉ là nguyện suông. Trước không nhân thì sau chẳng có quả, vì thế chỉ dạy nguyện hành phù hợp.

Chánh văn: *Đã quán như thế, nếu thấy một vị trời ngồi trên tòa sen trong một niệm liền xưng danh hiệu Bồ-tát Di-lặc, người này sẽ diệt trừ được tội lỗi sinh tử trong một ngàn hai trăm kiếp.*

Tán: Diệt tộc: có ba: Gặp duyên trưởng niệm, nghe danh khởi tâm cung kính, chí thành lễ bái.

Đoạn chánh văn này thuộc phần một.

Gặp duyên: Có hai là hữu tình và các pháp. Thấy một vị trời là tùy gặp một duuyên hữu tình nào thì liền nghĩ nhớ đến Đức Di-lặc, nếu họ có khổ thì nghĩ việc cứu giúp, họ không vui thì nghĩ đến việc ban vui họ có, ác thì nghĩ đến việc dứt trừ, thiện thì nghĩ đến việc nhiếp thọ, thù thắng thì vui vẻ mong cầu, kém thì nhàm chán xa lìa gặp bạn hiền thì tôn sùng, gặp bạn ác thì cự tuyệt, thấy hoa sen, biểu thị cho việc tùy thấy một pháp nào liền nghĩ nhớ đến ngài Di-lặc, thấy phép thiện thì nghĩ đến việc cúng dường, pháp ác thì nghĩ đến không gặp, pháp nhiệm thì vui vẻ đoạn trừ, pháp tịnh thì vui vẻ tu tập. Ở đây nêu lên hữu tình và pháp mà nhớ nghĩ đến ngài Di-lặc, là để biểu thị ý nghĩa hiển bày tổng quát về nghiệp thượng sinh Đâu-suất; ba phẩm tu gặp duyên quán niệm, tất cả thời đều niệm không gián đoạn không thôi nghỉ. Nếu trong một niệm xưng danh thì sẽ diệt trừ tội trong một ngàn hai trăm kiếp sinh tử, đó là do nguyện trước kia của ngài Di-lặc (hành giả chuyên niệm thì tội sẽ được diệt trừ) mà có được như thế. Nguyện của Đức Phật A-di-đà thì diệt tội trong tám mươi kiếp. Sức nguyện ở kiếp lâu xa của Đức Di-lặc không đồng, lòng từ bi có sâu cạn nên cảnh vui khổ có khác, tâm ham thích nhiều ít thì tội diệt có sai khác, như trước đã so sánh.

Chánh văn: *Chỉ nghe danh hiệu Đức Di-lặc, liền chấp tay cung kính người này sẽ trừ được tội sinh tử trong năm mươi kiếp.*

Tán: Nghe danh khởi tâm cung kính, trước đã nói nếu gặp duyên, trong một niệm nhớ nghĩ sẽ diệt được tội lỗi trong một ngàn hai trăm kiếp, còn ở đây chỉ nghe danh hiệu cung kính chấp tay sẽ diệt được tội trong năm mươi kiếp vì chỉ phát tâm nghiệp, đầu không sát đất đánh lễ, tức là tâm quy kính không sâu nặng.

Chánh văn: *Nếu có người kính lễ Đức Di-lặc, thì sẽ diệt trừ tội lỗi trong một trăm ức kiếp sinh tử.*

Tán: Đầu thành lễ bái: Đầu mặt sát đất đánh lễ ngày đêm không gián đoạn, thì sẽ diệt trừ tội sinh tử trong một trăm ức kiếp, thân tâm đều quy kính, đồng thời lại sâu nặng, ở đây điều quan trọng nhất là thấy được tướng bạch hào, thứ hai là, trong một niệm, thứ ba là, nghe danh hiệu chấp tay, thứ tư là, kính trọng khác nhau.

Hỏi: Vì sao thấy tướng bạch hào chẳng bằng ở xa nghĩ nhớ?

Đáp: Thấy thân tướng Phật, diệt được rất nhiều tội, bởi vì ở xa nghĩ nhớ thì hạnh khó sinh, thấy tướng quy y thì tâm sùng kính dễ khởi. Phép giáo hóa, thì đầu tiên khuyến dạy việc khó tu, sau khuyến thực hành hạnh dễ tập. Vả lại nhân gian nhiều khổ nên tâm ham thích sâu nặng, cõi trời nhiều vui cho nên tâm nhàm chán rất nhẹ, ở xa nhớ nghĩ

thì trong một niệm là thời gian lâu dài, cho nên thuộc về ý niệm, còn thấy ánh sáng của Phật là thời gian ngắn tạm, nên thuộc về mắt thấy. Ở xa nghĩ nhớ thì diệt được nhiều tội, thấy tướng ánh sáng thì diệt tội ít, nghe danh hiệu quy y nhớ nghĩ thì diệt nhiều tội., tiểu kinh đã có văn nói rõ.

Hỏi: Tạo hình tượng cúng dường thì được bao nhiêu công đức?

Đáp: Công đức rất nhiều, vì thực hiện không gián đoạn thì sức nhớ nghĩ càng sâu. Trong đây chỉ nêu ít nghĩ nhớ, ít lễ kính, tạm thời nghe danh, nếu luôn luôn thấy nghe, luôn luôn kính lễ, mãi mãi cúng dường thì công đức lại càng thêm to lớn. Ba phẩm tu hành ở trước chỉ nói về phước báu được sinh, chưa luận đến tướng tội bị diệt, trong đoạn thứ hai luận về quy y đạt được lợi ích bất thoái. Nay luận thứ ba mới luận về việc diệt tội, tức là tổng luận bàn về chỗ nương vững chắc, khiến chúng sinh sinh tâm hoan hỷ, quy kính tôn sùng mà được lợi ích tội diệt.

Chánh văn: *Dẫu không được sinh về cõi trời Đâu-suất, thì ở đời vị lai cũng gặp được Phật Di-lặc dưới cội Bồ-đề, trên hội Long hoa, mà phát tâm Vô thượng đạo.*

Tán: Không thích sinh về vì nghiệp lực chưa đủ, thì ba hội Long hoa cũng sẽ phát đạo tâm. Hạng người trước thích sinh về, hành nghiệp ba phẩm sinh đã đầy đủ thì nơi ba hội Long hoa sẽ đắc đạo, còn ở đây chỉ mới phát tâm, nên có sai biệt như thế. Kinh Bồ-tát Xử Thai hai ghi: “Ông sinh vào quốc độ có nhiều vui thú, không như quốc độ nhiều đau khổ của ta sinh về, ông thuyết pháp rất dễ, ta thuyết rất khó, hội đầu tiên thuyết pháp có chín mươi sáu vạn là người thọ năm giới của ta, hội thứ hai thuyết pháp có chín mươi bốn vạn là người thọ Tam quy, hội thứ ba thuyết pháp có chín mươi hai vạn là người xưng Nam-mô Phật. Thực tế nếu Thượng phẩm sinh thì tu sáu pháp, kinh ấy chỉ nói thọ năm giới, là được độ ở hội thứ nhất, tức chỉ nêu lên việc hành giả tu một pháp trong sáu pháp, thuộc oai nghi không thiếu vì chỉ có một việc được Thượng hạ phẩm sinh. Thọ trì tam quy là được độ ở hội thứ hai; trong ba phẩm trung, thì thuộc về hạnh của Trung thượng phẩm sinh, vì đầy đủ ba nghiệp, chỉ xưng Nam-mô Phật là được độ ở hội thứ ba, trong ba phẩm hạ, thuộc về hạnh của Hạ hạ phẩm sinh, vì chỉ có miệng niệm mà thôi. Kinh trên chỉ nêu lên ba bậc của ba phẩm sinh vì đó là những pháp sở tu thô và thông tục mà thôi, chứ không hiển bày tất cả, cho nên không trái nghịch.

Chánh văn: *Nói những lời này xong, vô lượng Đại chúng từ tòa ngòai đứng dậy đánh lễ chân Đức Phật và lễ chân Bồ-tát Di-lặc, nhiều*

Phật và nhiều Bồ-tát trăm ngàn vòng.

Chánh văn: Đại chúng phát nguyện mong cầu gồm có hai:

1. Đại chúng phát nguyện mong cầu.
2. Phật thọ ký được sinh.

Phát nguyện gồm hai: Luận oai nghi, phát nguyện.

Đoạn này thuộc về phần đầu:

Luận về oai nghi: Từ tòa ngồi đứng dậy biểu thị chúng sinh ở cõi kia từ sinh tử mà phát khởi, lễ chân Phật và Bồ-tát, biểu thị xả bỏ phiền não, nhiều Phật và Bồ-tát một trăm ngàn vòng, hiển thị ý nghĩa một trăm ngàn đời chẳng lìa chánh đạo.

Chánh văn: Những người chưa đắc đạo mỗi mỗi đều nguyện rằng: “Chúng con là hàng trời người cùng tám bộ chúng, hôm nay ở trước Phật mà chân thật phát thệ nguyện: Nếu ở đời vị lai gặp được Đức Di-lặc, liền xả thân này mà sinh về cõi trời Đâu-suất-đà.

Tán: Phát nguyện: Hàng chưa đắc đạo, là chỉ hàng phàm phu, còn bậc Thánh thì tùy nguyện. Như các bậc Thánh Bất hoàn, Vô học... dùng sức thần thông có thể đến được, vì muốn khuyến tán chúng sinh đời vị lai cho nên chỉ nêu phàm phu, mà không luận đến Thánh vãng sinh. Vị lai gặp ba hội thuyết pháp mà được độ. Xả thân này rồi mới nguyện sinh.

Chánh văn: Thế Tôn thọ ký rằng: Các ông và chúng sinh ở đời vị lai người tu phước trì giới thì sẽ được vãng sinh đến trước Bồ-tát Di-lặc, được Bồ-tát Di-lặc nhiếp thọ.

Tán: Phật thọ ký được vãng sinh: Các ông và chúng sinh đời vị lai, hành giả hạ phẩm sinh cho đến một niệm xưng danh hiệu Di-lặc đều được vãng sinh, hà huống tu phước trì giới, thượng phẩm chẳng được sinh sao? Tam thừa, ngũ thừa đều được độ thoát.

Chánh văn: Phật dạy Ưu-ba-ly rằng: “Quán như thế gọi là chánh quán nếu quán khác gọi là tà quán.

Tán: Tổng kết lập chánh quán: Vì muốn cứu độ chúng sinh đời vị lai cho nên ân cần khuyến tấn vãng sinh.

Chánh văn: Lúc bấy giờ, Tôn giả A-nan từ tòa ngồi đứng dậy vòng tay quỳ dài mà bạch Phật rằng: “Bạch Thế Tôn! Lành thay! Thế Tôn đã nói công đức của Bồ-tát Di-lặc và cũng đã thọ ký cho chúng sinh tu phước đời vị lai được quả báo vãng sinh, cho nên con hôm nay được tùy thuận vui mừng.”

Tán:

II. VĂN DANH HỸ HÀNH PHẦN gồm có bốn:

1. Hỏi.
2. Đáp.
3. Chúng hiện tiền được lợi ích.
4. Vui vẻ trở về và lưu thông kinh .

1. Hỏi: Có hai: Tán thán tùy hỷ, chính thức nêu câu hỏi.

Đoạn này thuộc về phần một.

a. Tán thán tùy hỷ: Tán thán công đức và nghiệp quả của Thánh và phàm, cho nên trước luận bàn là nêu chung cho hai loại chiêu cảm.

Chánh văn: *Kính vâng Thế Tôn! Pháp yếu này phải thọ trì thế nào và kinh này nên đặt tên là gì?*

Tán:

b) Chính thức nêu câu hỏi: Duy nhiên là lời kính vâng. Yếu chỉ vi diệu của kinh này phải thọ trì như thế nào và nghi quỹ thực hành gọi là gì?

Chánh văn: *Đức Phật bảo A-nan rằng: “Ông phải nhớ lời Phật dạy cẩn thận chớ để quên sót, hầu mở ra con đường sinh về cõi trời, chỉ bày tướng Bồ-đề cho tất cả chúng sinh đời vị lai, chớ để đoạn dứt giống Phật.*

Tán:

2. Đáp: có hai:

a) Thọ trì: Ta nay diệt độ, chúng sinh đời vị lai không có chỗ gá nương, nên khuyên giữ gìn, ban lệnh không được quên mất, để làm cho chúng sinh vị lai, gần thì được pháp lạc của trời, lia trầm luân của bốn nẻo, xa thì chỉ bày diệu tướng Bồ-đề ra khỏi ba cõi mà được siêu thoát. Kinh còn thì có người trồng thiện căn, pháp diệt thì đoạn Phật chủng. Phật tức là giác ngộ viên mãn, chủng gọi là nhân tuệ, học cho nên tuệ sinh, chẳng học thì chủng đoạn trừ.

Chánh văn: *Kinh này tên là Di-lặc Bồ-tát Bát-niết-bàn, cũng có tên là Quán Di-lặc Bồ-tát Thượng Sinh Đâu-suất-đà Thiên Khuyến Phát Bồ-đề Tâm, các ông nên thọ trì như thế.*

Tán:

b) Phần chánh trả lời: Vì nói về việc Bồ-tát Di-lặc Niết-bàn cho nên lấy đó đặt tên. Hiện thị tướng sinh về cõi ấy khiến chúng sinh chiêm ngưỡng, khuyến phát đạo tâm, lưu truyền mãi mãi, đó tức theo văn giải thích nghĩa. Thọ trì như thế! Thọ tức tâm lãnh nạp, trì tức giữ gìn ghi nhớ không quên.

Chánh văn: *Phật nói lời này xong mười vạn Bồ-tát từ phương khác*

đến dự đã chứng đắc Thủ-lăng-nghiêm Tam-muội.

Tán:

3. Chúng hiện tiền được lợi ích, có hai:

1. Thánh được lợi ích.

2. Phàm được lợi ích.

Đoạn này thuộc phần đầu:

a) Thánh ở phương khác chứng đắc Tam-muội.

Chánh văn: *Tám vạn ức vị trời phát tâm Bồ-đề đều phát nguyện theo Đức Di-lặc hạ sinh.*

Tán:

b) Phàm được lợi ích: Không chỉ lúc ấy phát tâm, mà còn nguyện đến đời vị lai theo Di-lặc hạ sinh.

Chánh văn: *Phật nói lời này xong thì bốn chúng đệ tử cùng tám bộ, trời, rồng, đều rất vui mừng, đánh lễ Phật rồi lui ra.*

Tán:

4. Vui vẻ trở về và lưu thông: Được việc chưa từng có cho nên vui mừng như thế!. Việc đã xong y theo lời dạy lui về để lưu truyền. Ác quả ác nhân sinh vào chỗ tận cùng của thế tục, trước Phật sau Phật trưởng dưỡng trong cõi loạn động bất an. Thích sinh Tịnh độ mà diệu hạnh chẳng thành, như muốn cầu mong thiên cung mà e sợ rằng thắng nhân không kết quả Tịnh độ. Tuy không ô nhiễm, nhưng Thánh giáo tự có sai biệt, thiên cung tuy có dục lạc, nhưng đạo lý nhất định chẳng nghi, chán trần cảnh thì gặp cảnh nhiễm mà chẳng nhiễm; đắm dục lạc thì gặp việc chẳng nhiễm mà thành nhiễm, thì giới nghiệp chẳng tròn, phước tuệ cạn nông; Phật đã ứng căn cơ chúng sinh mà hiện uế độ, phàm cũng hợp cảnh Thánh mà thích sinh về. Các bậc thượng thánh thượng hiền đều tu tập hạnh nghiệp này thì hạ phàm hạ vị đâu lý nào lại vượt qua? Cho nên, những người đồng hành thì nên chuyên tâm tu tập, tất cả đều trình bày nghiên cứu đầy đủ mong rằng có được nhân thượng sinh. Còn tất cả những dấu vết khác thì như trong phần biệt truyện đã ghi.

Tống Cao Tăng Truyện bốn ghi: “Về sau tự đến núi Ngũ đài, vừa lên Thái hành đến Tây hà, thì trời tối liền tá túc tại một ngôi chùa cổ, đêm ấy mộng thấy mình đang ở dưới gộp đá lưng chừng núi, nghe vô lượng tiếng kêu thống khổ, trong khoảng mờ mịt nghe thật bất nhẫn, bèn chạy lên đỉnh, thì thấy toàn là màu lưu ly chiếu rõ tất cả cõi nước, ngửa nhìn lên một tòa thành, trong đó có tiếng bảo rằng: Dừng lại! Dừng lại! Cơ công chưa được đến đó. Bỗng chốc từ trong thành, bước ra hai đồng tử nói rằng: “Ngài thấy những chúng sinh đang kêu la thống

khổ ở dưới núi chăng?” Đáp: “Tôi chỉ nghe mà chưa thấy hình.” Đồng tử bèn trao cho thanh kiếm mà nói: “Mổ bụng ra sẽ thấy.” Ngài Khuy Cơ bèn mổ bụng. Tự nhiên trong đó có hai đường ánh sáng chiếu xuống chân núi, thấy vô số tội nhân chịu vô lượng thống khổ. Bấy giờ, đồng tử vào thành mang ra hai trục giấy và bút giao cho Khuy Cơ và đi mất. Đến sáng thức dậy vẫn còn kinh sợ không thôi, đêm sau trong chùa có ánh sáng phát ra, rất lâu mà chưa tắt, liền đi tìm thì biết ánh sáng phát ra từ hai cuộn giấy. Mở ra xem thì đó là kinh Di-lặc Thượng Sinh, bèn nhớ lại giấc mộng đêm trước, ắt là Bồ-tát Từ thị bảo ta tạo sớ để truyền bá yếu lý kinh, do đó mở bút ra, bỗng nhiên đầu bút có mười bốn viên xá-lợi rơi ra lớn như hạt đào màu hồng rất đẹp, kể đó lại tiếp tục rơi xuống những viên khác giống như những hạt lúa cao lương màu vàng..

Nương theo sớ hiểu nghĩa. Giảng nói lý

kinh này.

Vui thích hành pháp thí. Nguyễn sinh về

Đâu-suất. Từ Tôn, được giáo giới.

Hiện vô tướng Pháp thân.

